

THÂU ÂM KINH PHẬT (audio)

Pháp Ảnh Lục là bộ kinh sách do **Trưởng lão Thích Trí Quang** dịch từ Hán văn. Nay trong lòng muốn ghi âm nên từ từ đọc và thâu. Không dám nghĩ xa, đơn giản từng trang kinh một.

Thâu âm như vậy để mang theo bên mình. Bất cứ ở đâu lúc nào, được chút ít thời gian là có thể lắng tâm đọc theo lời Phật.

Xin chia sẻ
10/2019
Đệ tử tại gia Hồng Như

[/expand]

KINH KIM CƯƠNG - Thượng nhân Thích Trí Quang dịch giải

| 1. Chánh Văn | 2. Dẫn Nhập | 3. Lược Giải |

phần tụng niệm

Kinh
Kim cương bát nhã ba la mật

Dịch giải: Tỷ kheo **Trí Quang**
2531 - 1987

Duyệt xong,

Mười bảy tháng năm, 2537 - 1993

Trí quang

Nghĩa lý kinh Kim cương
là ngoài tầm nghĩ bàn,
phước đức kinh Kim cương
cũng siêu việt như vậy.
Nay con được tụng niệm
cầu nguyện cùng chúng sinh
ở trong cảnh giới này
mà thấy phi cảnh giới,
và chính nơi thân này
mà thấy là Phật thân.

23.10.2531

Trí quang

Kính lạy đức Thích ca mâu ni thế tôn, cùng hết thầy Phật bảo.

Kính lạy kinh Kim cương bát nhã ba la mật, cùng hết thầy Pháp bảo.

Kính lạy tôn giả Thiện hiện, cùng hết thầy Tăng bảo.

Kinh Kim cương bát nhã ba la mật

(1)

(1-8) Tôi nghe như vậy :

Một thời Thế tôn

ở nước Xá vệ,

trong khu lâm viên

Chiến thắng Thiện thí,

cùng với một ngàn

hai trăm năm chục

vị đại tỷ kheo.

(2)

(9-22) Vào lúc bấy giờ

gần đến giờ ăn,

nên đức Thế tôn

sửa y, cầm bát,

đi vào khất thực

trong thành Xá vệ.

Tuần tự khất thực

trong thành này rồi,

Ngài về chỗ ở

ăn uống xong xuôi,

thu dọn y bát,

rửa sạch hai chân
và trải đồ lót
lót chỗ mà ngồi.

(3)
(23-48) Lúc ấy Thiện hiện,
một vị trưởng lão,
cũng có ở trong
các đại tỷ kheo.
Từ chỗ mình ngồi,
trưởng lão đứng dậy,
vắt một vạt y,
để trần vai phải,
đầu gối bên phải
quì xuống chầm đất,
hai tay chấp lại
cung kính mà thưa :
kính bạch Thế tôn,
Ngài thật hiếm có ;
Ngài khéo nâng đỡ
cho các Bồ tát,
lại khéo giao phó
cho các Bồ tát.
Kính bạch Thế tôn,
thiện nam thiện nữ
đã phát tâm nguyện
vô thượng bồ đề,
thì phải làm sao
để ở tâm ấy ?
Và phải làm sao
để sửa tâm mình ?

(4)
(49-70) Đức Thế tôn dạy :
tốt lắm Thiện hiện ;
thật đúng như lời
trưởng lão đã nói,
Như lai rất khéo
nâng đỡ Bồ tát,
Như lai rất khéo
giao phó Bồ tát.
Do vậy, trưởng lão,
hãy nghe cho kỹ,
Như lai sẽ nói
cho các vị biết
thiện nam thiện nữ
phát tâm bồ đề
thì bằng cách nào
trú ở tâm ấy,
và bằng cách nào
sửa chữa tâm mình.

Trưởng lão thưa rằng,
dạ, bạch Thế tôn,
chúng con ước muốn
được nghe Ngài dạy.

(5)

(71-102) Trưởng lão Thiện hiện

Bồ tát thì phải
sửa chữa tâm mình
bằng tuệ giác này :
Bao nhiêu chúng sinh
hoặc sinh bằng trứng,
hoặc sinh bằng thai,
sinh bằng âm thấp,
sinh bằng biến hóa,
hoặc có hình sắc
hoặc không hình sắc,
hoặc có tư tưởng,
hoặc không tư tưởng,
có không tư tưởng,
ta làm hết thảy
đều được nhập vào
niết bàn hoàn toàn
mà giải thoát cả.
Làm cho vô lượng
vô số chúng sinh
niết bàn như vậy,
mà thật không thấy
có chúng sinh nào
được niết bàn cả.
Tại sao như vậy ?
trưởng lão Thiện hiện,
vì nếu Bồ tát
mà vẫn còn có
ý tưởng ngã, nhân,
chúng sinh, thọ giả
thì Bồ tát ấy
không phải Bồ tát.

(6)

(103-144) Trưởng lão Thiện hiện

đối với các pháp,
Bồ tát không nên
trú ở đâu cả
mà làm bố thí :
không ở nơi sắc
mà làm bố thí,
không ở nơi thanh
hương, vị, xúc, pháp,
mà làm bố thí.
Trưởng lão Thiện hiện,

Bồ tát hãy nên
bố thí như thế :
không ở đâu cả.
Tại sao như vậy,
vì nếu Bồ tát
không ở đâu cả
mà làm bố thí
thì được phước đức
không thể lường được.
Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
không gian hướng đông
có lường được không ?
Không, bạch Thế tôn.
Trưởng lão Thiện hiện,
không gian hướng nam,
hướng tây hướng bắc,
và cả bốn góc,
cả trên cả dưới,
có lường được không ?
Càng không, bạch Ngài.
Trưởng lão Thiện hiện,
Bồ tát bố thí
mà không ở đâu
thì được phước đức
cũng y như thế
không thể lường được.
Trưởng lão Thiện hiện,
Bồ tát chỉ nên
trú ở theo lời
Như lai dạy đây.

(7)
(145-164) Trưởng lão Thiện hiện
ông nghĩ thế nào,
đối với Như lai,
có thể hay không
thấy bằng đặc tướng ?
Không, bạch Thế tôn,
không thể thấy Ngài
bằng các đặc tướng ;
tại sao như vậy,
vì theo Ngài dạy
thì các đặc tướng
là phi đặc tướng.
Đức Thế tôn bảo
trưởng lão Thiện hiện,
hễ có đặc tướng
thì đặc tướng ấy
toàn là giả dối,
nếu thấy đặc tướng

là phi đặc tướng
thì thấy Như lai.

(8)

(165-234) Trưởng lão Thiện hiện ;

bạch đức Thế tôn,
có thể có ai
nghe pháp thoại này
mà sinh đức tin
đúng chân lý không ?
Đức Thế tôn dạy,
đừng hỏi như vậy,
trưởng lão Thiện hiện ;
sau khi Như lai
nhập niết bàn rồi,
năm trăm năm sau,
có ai giữ giới,
làm phước, tu tuệ,
thì với pháp thoại
như thế này đây,
có thể tin tưởng
đúng với chân lý.

Trưởng lão phải biết
những người như vậy
không chỉ gieo trồng
gốc rễ điều lành
nơi một đức Phật,
nơi hai đức Phật,
nơi ba bốn năm
đức Phật mà thôi,
mà đã gieo trồng
gốc rễ điều lành
ở nơi vô số
ngàn vạn đức Phật.

Những người như vậy
mà được nghe đến
pháp thoại thế này
thì dầu đến nỗi
chỉ một ý niệm
tin tưởng trong sáng,
Như lai cũng vẫn
biết và thấy rõ
họ thực hiện được
vô lượng phước đức.
Tại sao như vậy,
vì những người này
không còn có nữa
ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả,
không còn có nữa
ý tưởng về pháp

và về phi pháp.
Nếu những người này
còn có ý tưởng
là còn ngã nhân
chúng sinh thọ giả,
còn ý tưởng pháp
là còn ngã nhân,
chúng sinh thọ giả,
còn tưởng phi pháp
là còn ngã nhân
chúng sinh thọ giả.
Vì lý do ấy,
đừng nắm lấy pháp,
lại càng đừng nên
nắm lấy phi pháp.
Do ý nghĩa này
Như lai thường nói,
các vị Tỷ kheo
hãy nhận thức rằng
pháp Như lai nói
tựa như chiếc bè :
pháp còn phải bỏ,
hướng chi phi pháp ?

(9)
(235-262) Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
phải chăng Như lai
được vô thượng giác ?
phải chăng Như lai
có sự thuyết pháp ?
Trưởng lão thưa rằng
kính bạch Thế tôn,
theo con hiểu biết
ý của Ngài nói,
thì không thể có
một pháp khẳng định
để được mệnh danh
là vô thượng giác,
cũng không thể có
một pháp khẳng định
để được gọi là
Thế tôn thuyết pháp.
Tại sao như vậy,
vì Pháp Ngài nói
không thể nắm lấy
không thể diễn tả,
không phải là pháp
không phải phi pháp
lý do là vì
hết thấy hiển thánh

toàn do Vô vi
biểu hiện khác biệt.

(10)

(263-300) Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
có ai đem cho
đủ hết bảy loại
vàng ngọc chất đầy
đại thiên thế giới,
thì người cho ấy
được phước nhiều không ?
rất nhiều, bạch Ngài ;
vì phước đức ấy
Ngài đã nói là
tính phi phước đức,
thế nên Ngài nói
phước đức rất nhiều.
Trưởng lão Thiện hiện,
nhưng nếu có ai
từ pháp thoại này
tiếp nhận ghi nhớ
dầu là chỉ được
chỉnh cú bốn câu,
và biết đem nói
cho bao người khác,
thì phước người ấy
vẫn hơn người trước.
Tại sao như vậy,
vì lẽ, trưởng lão,
hết thầy Phật đà
cùng với Phật pháp
- Pháp vô thượng giác
của các Phật đà -
toàn là xuất ra
từ pháp thoại này.
Trưởng lão Thiện hiện,
gọi là Phật pháp
thì Như lai nói
là phi Phật pháp,
thế nên Như lai
nói là Phật pháp.

(11)

(301-392) Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
vị Tu đà hoàn
có ý nghĩ rằng
ta được đạo quả
Tu đà hoàn chăng ?
Trưởng lão thưa Ngài

không, bạch Thế tôn ;
tại sao như vậy,
vì Tu đà hoàn
là Vào dòng nước,
thế nhưng thật ra
không có cái gì
nhập vào đâu cả :
không nhập sắc thanh,
hương, vị, xúc, pháp,
nên được mệnh danh
là Tu đà hoàn.
Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
vị Tư đà hàm
có ý nghĩ rằng
ta được đạo quả
Tư đà hàm chăng ?
Trưởng lão thưa Ngài
không, bạch Thế tôn ;
tại sao như vậy,
vì Tư đà hàm
là Một trở lại,
thế nhưng thật ra
không có cái gì
một lần trở lại,
nên được mệnh danh
là Tư đà hàm.
Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
vị A na hàm
có ý nghĩ rằng
ta được đạo quả
A na hàm chăng ?
Trưởng lão thưa Ngài,
không, bạch Thế tôn ;
tại sao như vậy,
vì A na hàm
là Không trở lại,
thế nhưng thật ra
không có cái gì
không còn trở lại,
nên được mệnh danh
là A na hàm.
Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
vị A la hán
có ý nghĩ rằng
ta được đạo quả
A la hán chăng ?
Trưởng lão thưa Ngài,
không, bạch Thế tôn ;

tại sao như vậy,
vì lẽ thật ra
không có cái gì
là A la hán,
nên được mệnh danh
là A la hán.
Kính bạch Thế tôn,
nếu vị La hán
nghĩ rằng mình được
đạo quả La hán,
thì như thế là
chấp trước ngã nhân,
chấp trước chúng sinh,
chấp trước thọ giả.
Bạch Ngài, Ngài nói
trong số những người
được định Không cãi,
con là hơn hết,
con là La hán
ly dục bậc nhất ;
nhưng con không có
ý nghĩ mình là
một vị La hán
ly dục bậc nhất.
Nếu con còn nghĩ
mình là La hán,
thì Ngài không nói
Thiện hiện là người
thích thú làm theo
chánh định Không cãi ;
vì con không còn
làm theo gì cả,
nên Ngài nói con
theo định Không cãi.

(12)

(393-402) Đức Thế tôn bảo
trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
Như lai xưa kia
nơi đức Nhiên đăng,
được pháp gì chăng ?
Không, bạch Thế tôn ;
nơi đức Nhiên đăng,
thực sự Thế tôn
không được pháp gì.

(13)

(403-426) Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
phải chăng Bồ tát

trang hoàng cõi Phật ?
Không, bạch Thế tôn ;
lý do là vì
trang hoàng cõi Phật,
sự trang hoàng ấy
Thế tôn đã nói
là phi trang hoàng,
thế nên Ngài nói
đó là trang hoàng.
Do vậy, trưởng lão,
Bồ tát đại sĩ
hãy sinh cái tâm
trong sạch như vậy :
không ở nơi sắc
mà sinh tâm ra,
không ở nơi thanh,
hương, vị, xúc, pháp,
mà sinh tâm ra ;
hãy đừng ở vào
bất cứ chỗ nào
mà sinh tâm ra.

(14)

(427-438) Trưởng lão Thiện hiện,
ví dụ có người
thân thể cao lớn
như núi Tu di,
ông nghĩ thế nào,
thân ấy lớn không ?
rất lớn, bạch Ngài ;
tại sao, bởi vì
Ngài nói thân lớn
là phi thân lớn,
thế nên Ngài nói
đó là thân lớn.

(15)

(439-506) Trưởng lão Thiện hiện,
giả thiết sông Hằng
có bao nhiêu cát,
thì mỗi hạt cát,
là một sông Hằng,
ông nghĩ thế nào,
số cát tất cả
sông Hằng như vậy
nhiều hay không nhiều ?
rất nhiều, bạch Ngài ;
số lượng sông Hằng
đã là vô số,
hướng chi số cát
những sông Hằng ấy.

Trưởng lão Thiện hiện,
với lời nói thật,
Như lai hôm nay
nói với trưởng lão :
giả sử thiện nam
hay thiện nữ nào
đem hết bảy loại
vàng ngọc chất đầy
thế giới đại thiên
nhiều như số cát
những sông Hằng ấy
mà làm bố thí,
thì phước họ được
là nhiều hay ít ?
Trưởng lão kính thưa,
rất nhiều, bạch Ngài.
Trưởng lão Thiện hiện,
nếu có thiện nam
hay thiện nữ khác
với pháp thoại này,
tiếp nhận ghi nhớ
dầu chỉ bốn câu,
và biết đem nói
cho bao người khác,
thì phước người này
hơn phước người trước.
Thêm nữa, trưởng lão,
chỗ nào giảng dạy
pháp thoại như vậy,
dầu chỉ bốn câu,
trưởng lão cũng phải
nhận thức chỗ ấy,
tất cả thế giới
chư thiên nhân loại
và a tu la
đều nên hiến cúng
chùa tháp Như lai.
Hướng chi có người
tiếp nhận ghi nhớ,
đọc xét văn nghĩa,
tụng được thuộc lòng,
giảng nói cho người
trọn pháp thoại này ;
trưởng lão phải biết
người ấy đạt được
cái pháp tối thượng
hiếm có bậc nhất,
và những địa điểm
người ấy giảng dạy
pháp thoại như vậy
là có Như lai

hay có các vị
đệ tử cao trọng.

(16)

(507-532) Vào lúc bấy giờ
trưởng lão Thiện hiện
bạch đức Thế tôn,
pháp thoại như vậy
nên gọi tên gì ?
chúng con cần phải
ghi nhớ thế nào ?
Đức Thế tôn dạy,
trưởng lão Thiện hiện,
pháp thoại như vậy
nên gọi tên là
Kim cương bát nhã
ba la mật đa,
trưởng lão hãy nhớ
pháp thoại như vậy
qua danh hiệu ấy.
Tại sao như vậy,
trưởng lão Thiện hiện,
bởi vì bát nhã
ba la mật đa
thì Như lai nói
là phi bát nhã
ba la mật đa,
thế nên Như lai
nói là bát nhã
ba la mật đa.

(17)

(533-540) Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
Như lai có sự
thuyết pháp hay không ?
Trưởng lão thưa Ngài,
không, bạch Thế tôn,
Thế tôn không có
thuyết pháp gì cả.

(18)

(541-558) Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
thế giới đại thiên
có bao vi trần,
số lượng nhiều không ?
rất nhiều, bạch Ngài.
Trưởng lão Thiện hiện,
những vi trần ấy,
Như lai nói chúng

là phi vi trần,
thế nên Như lai
nói là vi trần.
Và bao thế giới,
Như lai cũng nói
những thế giới ấy
là phi thế giới,
thế nên Như lai
nói là thế giới.

(19)

(559-572) Trưởng lão Thiện hiện
trong ý của ông
ông nghĩ thế nào,
có thể hay không
nhìn thấy Như lai
bằng ba mươi hai
đặc tướng siêu nhân ?
Không, bạch Thế tôn ;
tại sao như vậy,
vì các đặc tướng
thì Thế tôn nói
là phi đặc tướng,
thế nên Thế tôn
nói là đặc tướng.

(20)

(573-586) Trưởng lão Thiện hiện,
nếu có thiện nam
hay thiện nữ nào
đem thân mạng mình
bằng cát sông Hằng
mà bố thí cả,
và có người khác
với pháp thoại này
tiếp nhận ghi nhớ
dầu chỉ bốn câu,
và đem giảng nói
cho bao người khác,
thì phước người này
quá nhiều hơn nữa.

(21)

(587-662) Vào lúc bấy giờ
trưởng lão Thiện hiện,
nghe pháp thoại này
lĩnh hội sâu xa,
lòng đầy xúc cảm,
rơi lụy mà khóc.
Trưởng lão thưa rằng,
thật quá hiếm có,

Kính bạch Thế tôn ;
Ngài đã tuyên thuyết
pháp thoại cực sâu.
Từ khi có được
con mắt tuệ giác
cho đến ngày nay,
con chưa nghe được
pháp thoại như vậy.
Bạch Ngài, có ai
nghe pháp thoại này
tin tưởng trong sáng
và phát sinh được
cái tuệ giác thật,
thì biết người ấy
đạt được công đức
hiếm có bậc nhất.
Kính bạch Thế tôn,
tuệ giác thật ấy
thì Ngài nói là
phi tuệ giác thật,
thế nên Ngài nói
là tuệ giác thật.
Kính bạch Thế tôn,
hôm nay con được
nghe pháp thoại này,
tin tưởng lĩnh hội,
tiếp nhận ghi nhớ,
thì không khó mấy.
Nhưng nếu tương lai,
năm trăm năm sau
người nào nghe được
pháp thoại như vậy,
tin tưởng, lĩnh hội,
tiếp nhận, ghi nhớ,
mới hiếm có nhất.
Tại sao như vậy,
bởi vì người ấy
thì không còn có
ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả -
Ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả
là phi ý tưởng :
phi mọi ý tưởng
thì thế gọi là
chư Phật như lai.
Đức Thế tôn dạy
trưởng lão Thiện hiện,
thật đúng như vậy :
nếu có người này
được nghe pháp thoại

Bát nhã như vậy
mà không kinh ngạc,
cũng không sợ hãi,
thì biết người ấy
cực kỳ hiếm có.
Tại sao, trưởng lão,
bởi vì Bát nhã
chính là tối thượng
ba la mật đà,
và Như lai nói
cái pháp tối thượng
ba la mật đà
là phi tối thượng
ba la mật đà,
thế nên Như lai
nói là tối thượng
ba la mật đà.

(22)

(663-696) Trưởng lão Thiện hiện,
cái pháp nhãn nhục
ba la mật đà,
Như lai cũng nói
là phi nhãn nhục
ba la mật đà,
thế nên Như lai
nói là nhãn nhục
ba la mật đà.
Tại sao trưởng lão,
vì như xưa kia,
trong khi Như lai
bị Ca lệ vương
cắt thịt khắp nơi
tay chân Như lai,
Như lai không có
ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả.
Nếu lúc bấy giờ
Như lai còn có
ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả
thì phải sinh ra
giận dữ oán hận.
Trưởng lão Thiện hiện,
Như lai lại nhớ
trong thì quá khứ,
có năm trăm đời
Như lai đã làm
tiên nhân Nhãn nhục.
Vào lúc bấy giờ,
Như lai cũng không

ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả.

(23)

(697-758) Vì lý do ấy,
trưởng lão Thiện hiện,
Bồ tát thì phải
rời mọi ý tưởng
mà phát huy tâm
vô thượng bồ đề ;
đừng ở nơi sắc
mà sinh tâm ra,
đừng ở nơi thanh,
hương, vị, xúc, pháp,
mà sinh tâm ra.
Hãy sinh cái tâm
không ở đâu cả.
Nếu tâm ở đâu
thì chính như thế
là phi trú ở.
Vì lý do này,
Như lai nói rằng
Bồ tát thì phải
không ở sắc, thanh,
hương, vị, xúc, pháp,
mà làm bố thí.
Trưởng lão Thiện hiện,
Bồ tát thì vì
ích lợi chúng sinh
một cách khắp cả
mà hãy bố thí
theo cách như vậy.
Vì Như lai nói
ý tưởng chúng sinh
là phi ý tưởng,
Như lai cũng nói
hết thấy chúng sinh
là phi chúng sinh.
Trưởng lão Thiện hiện,
Như lai là người
nói phải, nói chắc,
nói như sự thật,
nói không lừa đảo,
nói không mâu thuẫn.
Trưởng lão Thiện hiện,
Pháp mà Như lai
đã chứng ngộ được,
cái Pháp như vậy
không phải chắc chắn,
không phải trống rỗng.
Trưởng lão Thiện hiện,

Bồ tát nếu tâm
ở nơi mọi thứ
mà làm bố thí,
thì như một người
vào trong bóng tối,
không còn thấy được
một thứ gì hết ;
Bồ tát nếu tâm
không ở mọi thứ
mà làm bố thí,
thì như một người
đã có mắt sáng,
lại có ánh sáng
mặt trời soi rõ,
nên thấy đủ cả.

(24)

(759-776) Trưởng lão Thiện hiện,
trong thì vị lai,
nếu có thiện nam
hay thiện nữ nào,
đối với pháp thoại
Bát nhã như vậy,
tiếp nhận ghi nhớ,
đọc xét văn nghĩa,
tụng được thuộc lòng,
nói cho người khác,
thì thế là được
Như lai sử dụng
tuệ giác Như lai
mà biết rất rõ,
và thấy rất rõ,
rằng người như vậy
ai cũng đạt được
vô lượng công đức.

(25)

(777-848) Trưởng lão Thiện hiện,
nếu có thiện nam
hay thiện nữ nào
buổi sáng đã đem
hằng sa thân mạng
mà bố thí cả,
buổi trưa cũng đem
hằng sa thân mạng
mà bố thí nữa,
buổi chiều lại đem
hằng sa thân mạng
mà bố thí luôn,
và sự bố thí
thân mạng như vậy

làm đến trăm ngàn
vạn ức thời kỳ ;
và có người khác
nghe pháp thoại này,
trong lòng tin tưởng
chứ không đối kháng,
thì phước người này
hơn phước người trước,
hướng chi có người
sao chép ấn hành
tiếp nhận ghi nhớ,
đọc xét văn nghĩa,
tụng được thuộc lòng,
nói cho người khác.
Trưởng lão Thiện hiện,
chính yếu mà nói
thì bài pháp thoại
Bát nhã như vậy
có những công đức
ngoài tầm nghĩ bàn,
ước lượng, đối chiếu,
siêu việt giới hạn ;
Như lai nói cho
những người đi theo
giáo pháp đại thừa,
nói cho những người
đi theo giáo pháp
đại thừa tối thượng.
Ai có năng lực
tiếp nhận ghi nhớ,
đọc xét văn nghĩa,
tụng được thuộc lòng,
trình bày phong phú
cho bao người khác,
thì chính Như lai
biết rõ người ấy,
thấy rõ người ấy,
đạt được công đức
không thể ước lượng,
không thể đối chiếu,
không có giới hạn,
ngoài tầm nghĩ bàn.
Những người như vậy
có thể gánh vác
tuệ giác vô thượng
của ta, Như lai.
Tại sao như thế,
trưởng lão Thiện hiện,
bởi vì những ai
ưa pháp tiểu thừa,
vẫn còn ngã nhân,

chúng sinh thọ giả,
thì với pháp này
không thể lắng nghe,
tiếp nhận ghi nhớ,
đọc xét văn nghĩa,
tụng được thuộc lòng,
nói cho người khác.

(26)

(848-862) Trưởng lão Thiện hiện,
bất cứ chỗ nào,
hễ có bản kinh
Kim cương bát nhã,
thì cả thế giới
chư thiên, nhân loại
và a tu la,
đều nên hiến cúng.
Nên biết chỗ ấy
chính là chùa tháp
tôn thờ Như lai ;
hãy lạy, đi nhiễu,
tung rải các loại
bông hoa, hương liệu.

(27)

(863-878) Thêm nữa, trưởng lão,
bất cứ thiện nam
hay thiện nữ nào
học hỏi ghi nhớ,
nghiên cứu, tụng thuộc
kinh Kim cương này
mà bị khinh dễ,
thì biết người ấy
tội ác đời trước
đáng sa chỗ dữ,
nhưng vì đời này
bị người khinh dễ
thì tội ác đó
tiêu tan hết cả,
người ấy sẽ được
tuệ giác vô thượng.

(28)

(879-934) Trưởng lão Thiện hiện,
Như lai nhớ lại
quá khứ vô số
55
thời kỳ vô số,
trước khi Như lai
gặp đức Nhiên đăng,
thì đã gặp được

tám trăm bốn ngàn
vạn ức trăm triệu
chư Phật như lai,
đối với Ngài nào
Như lai cũng đồng
thừa sự hiến cúng
chứ không bỏ qua.
Nhưng nếu có ai
ở trong thời kỳ
cuối cùng sau này,
mà có năng lực
học hỏi, ghi nhớ,
nghiên cứu tụng thuộc
bản kinh Kim cương
bát nhã này đây,
thì bao công đức
người ấy đạt được,
công đức Như lai
phụng sự chư Phật
không bằng phần trăm,
phần ngàn vạn ức,
đến nỗi toán pháp
và ví dụ nữa,
cũng không bằng được
một phần nào cả.
Trưởng lão Thiện hiện,
nếu có thiện nam
hay thiện nữ nào
ở trong thời kỳ
cuối cùng sau này,
mà có khả năng
tiếp nhận, ghi nhớ,
nghiên cứu, tụng thuộc
bản kinh Kim cương
bát nhã như vậy,
bao nhiêu công đức
mà họ đạt được,
nếu Như lai nói
một cách đầy đủ,
thì tất có kẻ
nghe mà nổi khùng,
bối rối, hoài nghi,
không thể tin được.
Trưởng lão Thiện hiện,
phải nhận thức rằng
ý nghĩa Kim cương
không thể nghĩ bàn,
hiệu quả cũng vậy
không thể nghĩ bàn.

(935-970) Vào lúc bấy giờ
trưởng lão Thiện hiện
kính bạch Thế tôn,
thiện nam thiện nữ
đã phát tâm nguyện
vô thượng bồ đề,
thì phải làm sao
để ở tâm ấy ?
và phải làm sao
để sửa tâm mình ?
Đức Thế tôn dạy,
trưởng lão Thiện hiện,
thiện nam thiện nữ
phát tâm bồ đề,
thì sửa tâm mình
bằng tuệ giác này :
ta phải làm cho
hết thấy chúng sinh
được niết bàn rồi
mà thật không thấy
một chúng sinh nào
được niết bàn cả.
Lý do là vì
Bồ tát mà có
ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả,
thì như thế là
không phải Bồ tát.
Tại sao như vậy,
trưởng lão Thiện hiện,
bởi vì thật ra
không có pháp gì
là người phát tâm
vô thượng bồ đề.

(30)

(971-1042) Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
nơi đức Nhiên đăng,
phải chăng Như lai
có một pháp gì
gọi là đạt được
vô thượng bồ đề ?
Không, bạch Thế tôn ;
theo chỗ con hiểu
ý nghĩa đã được
Thế tôn dạy cho
thì khi Ngài ở
nơi đức Nhiên đăng,
không có pháp gì
gọi là đạt được

vô thượng bồ đề.
Đức Thế tôn dạy,
đúng vậy, Thiện hiện,
đúng là không có
pháp gì gọi là
Như lai đạt được
vô thượng bồ đề.
Nếu có pháp gì
gọi là Như lai
đạt được tuệ giác
vô thượng bồ đề,
thì đức Nhiên đăng
đã không ghi nhận,
rằng trong tương lai
ông thành Phật đà,
danh hiệu gọi là
Thích ca mâu ni ;
vì thật không có
pháp gì gọi là
Như lai đạt được
vô thượng bồ đề,
nên đức Nhiên đăng
mới ghi nhận cho,
bằng cách nói rằng
ông thành Phật đà
danh hiệu gọi là
Thích ca mâu ni
tại sao như vậy ?
vì chữ Như lai
chính là nghĩa Như
của tất cả pháp.
Nếu có ai nói
Như lai đạt được
vô thượng bồ đề,
thì nói như vậy
là không chính xác,
bởi vì, trưởng lão,
thật ra không có
pháp gì gọi là
Như lai đạt được
vô thượng bồ đề,
sự đạt được ấy
không phải chắc chắn,
không phải trống rỗng.
Vì lý do này,
Như lai tuyên ngôn
rằng tất cả pháp
toàn là Phật pháp.
Trưởng lão Thiện hiện,
tất cả pháp ấy
Như lai đã nói

phi tất cả pháp,
nên Như lai nói
là tất cả pháp.

(31)

(1043-1068) Trưởng lão Thiện hiện,
ví như có người
thân thể cao lớn...
Trưởng lão Thiện hiện
liền bạch Thế tôn,
thân cao lớn ấy
thì Ngài đã nói
phi thân cao lớn,
thế nên Ngài nói
là thân cao lớn.
Trưởng lão Thiện hiện,
Bồ tát cũng vậy :
Bồ tát mà nói
ta phải làm cho
vô số chúng sinh
đều được niết bàn,
thì không được gọi
là vị Bồ tát ;
trưởng lão Thiện hiện,
bởi vì thật ra
không có pháp gì
gọi là Bồ tát.
Vì thế Như lai
nói tất cả pháp
không phải ngã nhân
chúng sinh thọ giả.

(32)

(1069-1086) Trưởng lão Thiện hiện,
nếu Bồ tát nói
ta phải trang hoàng
cõi Phật của ta,
thì không được gọi
là vị Bồ tát.
Tại sao, trưởng lão,
trang hoàng cõi Phật
thì Như lai nói
là phi trang hoàng,
thế nên Như lai
nói là trang hoàng.
Trưởng lão Thiện hiện,
Bồ tát thấu triệt
về sự vô ngã,
Như lai mới nói
vị ấy đích thực
là vị Bồ tát.

(33)

(1087-1138) Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
có đúng Như lai
hiện có mắt thịt,
mắt trời phải không ?
Phải, bạch Thế tôn,
Ngài có mắt thịt
và có mắt trời.
Có đúng Như lai
hiện có mắt tuệ,
mắt pháp phải không ?
Phải, bạch Thế tôn,
Ngài có mắt tuệ
và có mắt pháp.
Như lai hiện có
mắt Phật phải không ?
Phải, bạch Thế tôn,
Ngài có mắt Phật.
Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
cát trong sông Hằng
Như lai cũng nói
là cát phải không ?
Phải, Ngài nói cát.
Ông nghĩ thế nào,
có bao nhiêu cát
trong một sông Hằng
thì có sông Hằng
bằng số cát ấy,
và những cõi Phật
bằng với số cát
những sông Hằng này
thì nhiều hay không ?
Rất nhiều, bạch Ngài.
Trưởng lão Thiện hiện,
bao nhiêu tâm tưởng
tất cả chúng sinh
trong những cõi Phật
được nói như vậy,
Như lai biết hết.
Tại sao, trưởng lão,
Như lai nói rằng
bao tâm tưởng ấy
là phi tâm tưởng,
thế nên Như lai
nói là tâm tưởng :
Tâm tưởng quá khứ
không thể nhận được,
tâm tưởng hiện tại
không thể nhận được,

tâm tưởng vị lai
không thể nhận được.

(34)

(1139-1156) Trưởng lão Thiện hiện,
giả sử có ai
đem hết vàng ngọc
đầy cõi đại thiên
mà bố thí cả,
người này vì thế
được phước nhiều không ?
Rất nhiều, bạch Ngài,
người này vì thế
được phước rất nhiều.
Trưởng lão Thiện hiện,
nếu phước có thật
thì Như lai đã
không nói phước nhiều,
nhưng vì phước ấy
thật là phi phước,
thế nên Như lai
nói là phước nhiều.

(35)

(1157-1196) Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
có thể hay không
nhìn thấy Như lai
bằng cái sắc thân
toàn hảo đặc tướng ?
Không, bạch Thế tôn,
không nên nhìn Ngài
bằng cái sắc thân
toàn hảo đặc tướng.
Tại sao như vậy,
vì cái sắc thân
toàn hảo đặc tướng
thì Thế tôn nói
là phi sắc thân
toàn hảo đặc tướng,
đó là lý do
tại sao Thế tôn
nói là sắc thân
toàn hảo đặc tướng.
Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
có thể hay không
nhìn thấy Như lai
bằng các đặc tướng
toàn hảo tất cả ?
Không, bạch Thế tôn,

không nên nhìn Ngài
bằng các đặc tướng
toàn hảo tất cả.
Tại sao như vậy,
vì các đặc tướng
toàn hảo tất cả
thì Thế tôn nói
là phi đặc tướng
toàn hảo tất cả,
đó là lý do
tại sao Thế tôn,
nói là đặc tướng
toàn hảo tất cả.

(36)

(1197-1216) Trưởng lão Thiện hiện,
đừng nói Như lai
có cái ý nghĩ
Như lai thuyết pháp.
Đừng nói như vậy.
Lý do tại sao,
vì nói Như lai
có sự thuyết pháp
thì thế chính là
phỉ báng Như lai.
Nói thế tức là
không khéo lĩnh hội
ý nghĩa đã được
Như lai tuyên thuyết.
Trưởng lão Thiện hiện,
gọi là thuyết pháp
là thật không có
pháp gì để thuyết,
như thế mới được
gọi là thuyết pháp.

(37)

(1217-1234) Lúc ấy Thiện hiện,
người lấy tuệ giác
mà làm tính mạng,
kính bạch Thế tôn,
có thể có ai
trong thì vị lai
nghe Pháp như vậy
mà tin tưởng không ?
Đức Thế tôn dạy,
những người như vậy
không phải chúng sinh
hay không chúng sinh ;
tại sao, trưởng lão,
gọi là chúng sinh

thì Như lai nói
là phi chúng sinh,
vì thế Như lai
gọi là chúng sinh.

(38)

(1235-1264) Trưởng lão Thiện hiện,
kính bạch Thế tôn,
Thế tôn đạt được
vô thượng bồ đề,
thật ra là sự
phi đạt được chăng ?
Đúng, đúng như vậy,
trưởng lão Thiện hiện ;
Như lai đối với
vô thượng bồ đề
không có chút gì
gọi là đạt được
nên được gọi là
vô thượng bồ đề.
Thêm nữa, trưởng lão,
Pháp thì đồng đẳng,
không bất đồng đẳng,
thế nên gọi là
vô thượng bồ đề :
không có ngã nhân
chúng sinh thọ giả
mà làm pháp lành,
thế thì đạt được
vô thượng bồ đề.
Trưởng lão Thiện hiện,
gọi là pháp lành
thì Như lai nói
là phi pháp lành,
thế nên Như lai
gọi là pháp lành.

(39)

(1265-1282) Trưởng lão Thiện hiện,
có người đem cho
bảy loại vàng ngọc
chất đồng bằng với
những núi Tu di
trong cõi đại thiên,
và có người khác
tiếp nhận ghi nhớ
dầu chỉ bốn câu
bản kinh Bát nhã
ba la mật này,
và nói cho người,
thì phước người trước

không bằng phần trăm,
phần ngàn vạn ức,
toán pháp, ví dụ,
cũng không bằng được
một phần nào cả.

(40)

(1283-1308) Trưởng lão Thiện hiện,
các vị đừng nói
Như lai nghĩ rằng
Như lai giải thoát
các loại chúng sinh ;
trưởng lão Thiện hiện,
đừng nghĩ như vậy,
vì thật không có
một chúng sinh nào
Như lai giải thoát.
Nếu có chúng sinh
Như lai giải thoát,
thì thế chính là
Như lai đã có
ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả.
Trưởng lão Thiện hiện,
ý tưởng về ngã
thì Như lai nói
phi ý tưởng ngã,
nhưng người tầm thường
thì bảo là ngã.
Trưởng lão Thiện hiện,
người tầm thường ấy
Như lai nói là
người phi tầm thường.

(41)

(1309-1348) Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
phải chăng có thể
nhìn thấy Như lai
bằng ba mươi hai
đặc tướng siêu nhân ?
Kính bạch Thế tôn,
theo chỗ con hiểu
nghĩa của Ngài dạy,
không thể nhìn Ngài
bằng ba mươi hai
đặc tướng siêu nhân.
Đức Thế tôn dạy,
trưởng lão Thiện hiện,
thật đúng như vậy,
bởi vì nếu nhìn

ba mươi hai nét
đặc tướng siêu nhân
mà cho có thể
nhìn thấy Như lai
thì Chuyển luân vương
cũng là Như lai.
Thế nên không thể
nhìn thấy Như lai
bằng ba mươi hai
đặc tướng siêu nhân ;
hãy nhìn Như lai
bằng cách nhìn thấy
tất cả đặc tướng
là phi đặc tướng.
Bây giờ Thế tôn
nói chĩnh cú này :
“Nếu đem sắc tướng
nhìn thấy Như lai,
hoặc đem âm thanh
nhận thức Như lai,
thì những người ấy
đã đi lạc đường,
không còn có thể
thấy biết Như lai”.

(42)

(1349-1360) Trưởng lão Thiện hiện,
nếu ông nghĩ rằng
Như lai không do
đặc tướng toàn hảo
mà được tuệ giác
vô thượng bồ đề,
thì này trưởng lão,
đừng nghĩ như vậy,
rằng ta, Như lai,
không do đặc tướng
toàn hảo mà được
vô thượng bồ đề.

(43)

(1361-1372) Trưởng lão Thiện hiện,
nếu ông nghĩ rằng
những người phát tâm
vô thượng bồ đề
nói rằng các pháp
là tiêu diệt hẳn,
thì đừng nghĩ thế,
tại sao, bởi vì
những người phát tâm
vô thượng bồ đề
đối với các pháp

không nói tiêu diệt.

(44)

(1373-1400) Trương lão Thiện hiện,
một vị Bồ tát
đem cho tất cả
bảy loại vàng ngọc
chất đầy thế giới
như cát sông Hằng ;
vị Bồ tát khác
biết tất cả pháp
toàn là vô ngã,
thành được súc Nhẫn,
thì Bồ tát này
hơn Bồ tát trước.
Lý do là vì,
trưởng lão Thiện hiện,
Bồ tát thì không
tiếp nhận phước đức.
Trưởng lão Thiện hiện
kính bạch Thế tôn,
tại sao Bồ tát
không nhận phước đức
Bởi vì, Thiện hiện,
Bồ tát làm hết
mọi sự phước đức,
thế nhưng không nên
tham đắm phước đức,
Như lai do vậy
nói là không nhận
mọi sự phước đức.

(45)

(1401-1412) Trương lão Thiện hiện,
nếu nói Như lai
có đến, có đi,
có ngồi, có nằm,
thì người nói ấy
không hiểu ý nghĩa
Như lai đã nói.
Tại sao như vậy,
bởi vì Như lai
không đến từ đâu,
không đi về đâu,
nên gọi Như lai.

(46)

(1413-1530) Trương lão Thiện hiện,
có ai nghiền nát
thế giới đại thiên
thành ra vi trần,

thì ông nghĩ sao,
những vi trần ấy
là nhiều hay ít ?
Rất nhiều, bạch Ngài.
Tại sao, bởi vì
những vi trần ấy
nếu là thật có,
thì Ngài không nói
là những vi trần -
Thế nhưng vi trần
thì Ngài đã nói
là phi vi trần,
do đó Ngài nói
là những vi trần.

(47)

(1069-1086) Và bạch Thế tôn,
cái mà Ngài nói
thế giới đại thiên
là phi thế giới,
vì thế nên được
gọi là thế giới.
Tại sao như vậy,
bởi vì nếu nói
thế giới thật có,
thì đó chỉ là
ý tưởng hợp nhất -
Ý tưởng hợp nhất
thì Ngài nói phi
ý tưởng hợp nhất,
nên được gọi là
ý tưởng hợp nhất.
Đức Thế tôn dạy,
trưởng lão Thiện hiện,
ý tưởng hợp nhất
thì không là gì
để mà nói cả,
nhưng người tầm thường
đam mê dính mắc
cái sự như vậy.

(48)

(1455-1478) Trưởng lão Thiện hiện,
nếu có ai nói
Thế tôn nói về
ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả,
thì này trưởng lão,
ông nghĩ thế nào,
người đó có hiểu
ý nghĩa Như lai

đã nói hay không ?
Không, bạch Thế tôn,
người ấy không hiểu
ý nghĩa đã được
Thế tôn nói ra.
Lý do tại sao,
vì Thế tôn nói
ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả
thì tức là phi
ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả,
thế nên gọi là
ý tưởng ngã nhân
chúng sinh thọ giả.

(49)

(1479-1494) Trưởng lão Thiện hiện,
những người phát tâm
vô thượng bồ đề,
thì với các pháp
hãy biết như vậy,
hãy thấy như vậy,
tin tưởng, lĩnh hội
cũng là như vậy :
đừng nên trú ở
nơi ý tưởng pháp.
Trưởng lão Thiện hiện,
nói ý tưởng pháp
thì Như lai nói
phi ý tưởng pháp,
vì thế mới gọi
là ý tưởng pháp.

(50)

(1495-1512) Trưởng lão Thiện hiện,
nếu có người nào
đem cho tất cả
bảy loại vàng ngọc
chất đầy vô lượng
vô số thế giới,
và có người khác,
không kể thiện nam
hay là thiện nữ,
đối với pháp thoại
Bát nhã như vậy,
tiếp nhận ghi nhớ,
nghiên cứu tụng thuộc,
diễn tả cho người,
thì dầu chỉ được
chính cú bốn câu,

phước họ đạt được
vẫn hơn người trước.

(51)

(1513-1528) Diễn tả cho người
bằng cách thế nào ?
Bằng cách dùng năm
ý tưởng về pháp,
mà như sự Như
chứ không dao động.
Tại sao mà phải
diễn tả cách ấy ?
Bởi vì tất cả
các pháp hữu vi
toàn là giống như
chiêm bao, ảo thuật,
bóng nước, ảnh tượng,
sương mai, điện chớp ;
rất cần phải có
cái nhìn như vậy **Ē**.

(52)

(1529-1344) Khi đức Thế tôn
tuyên thuyết hoàn tất
bản kinh Kim cương
bát nhã này rồi,
trưởng lão Thiện hiện,
các vị tỷ kheo
và tỷ kheo ni,
những cận sự nam
và cận sự nữ,
toàn thể thế giới
chư thiên, nhân loại,
và a tu la,
được nghe những điều
Thế tôn tuyên thuyết,
ai cũng hoan hỷ,
tín thọ, phụng hành.

hồi hướng

Nghĩa lý kinh Kim cương
là ngoài tầm nghĩ bàn,
phước đức kinh Kim cương
cũng siêu việt như vậy.
Nay con được tụng niệm
câu nguyện cùng chúng sinh
ở trong cảnh giới này
mà thấy phi cảnh giới,
và chính nơi thân này
mà thấy là Phật thân.

Nam mô bốn sư Thích ca mâu ni thế tôn (3 lần)

Kính lạy đức Thích ca mâu ni thế tôn, cùng hết thầy Phật bảo.

Kính lạy kinh Kim cương bát nhã ba la mật, cùng hết thầy Pháp bảo.

Kính lạy tôn giả Thiện hiện, cùng hết thầy Tăng bảo.

| 1. Chánh Văn | 2. Dẫn Nhập | 3. Lược Giải |

| 1. Chánh Văn | 2. **Dẫn Nhập** | 3. Lược Giải Kim Cương |

bảng viết tắt

Chính	Đại tạng kinh bản Đại chính tân tu.
Vạn	Tục tạng kinh bản chữ Vạn.
Td	Hoa dịch Kim cương của ngài Cư ma la thập (đầu thế kỷ 5)
Bd	Hoa dịch Kim cương của ngài Bồ đề lưu chi (đầu thế kỷ 6).
Chd	Hoa dịch Kim cương của ngài Chân đế (giữa thế kỷ 6)
Cd	Hoa dịch Kim cương của ngài Cấp đa (cuối thế kỷ 6)
Hd	Hoa dịch Kim cương của ngài Huyền tráng (giữa thế kỷ 7)
ND	Hoa dịch Kim cương của ngài Nghĩa tịnh (đầu thế kỷ 8)
Ecd	Anh dịch Kim cương của Edward Conze, Luân đôn, 1957. Bản dịch của Lê pháp.

Ghi chú : Td, Bd, Chd, Cd và Nd, mang số hiệu của Chính như sau : 235, 236, 237, 238 và 239, cùng nằm trong Chính 8/748-775. Hd thì thuộc số hiệu 220, Chính 7/980-985.

mục lục phần dẫn nhập

1. Kinh Kim cương 107
2. Tài liệu tham khảo để dịch giải Kim cương 109
3. Vài dòng về dịch chủ La thập và ngài Tăng triệu 110
4. Cách dịch và cách giải Kim cương được áp dụng 111
5. Đại thể của Kim cương 113
6. Đối tượng của Kim cương 115
7. Nội dung của Kim cương 118
 - a. Ý nghĩa danh hiệu Kim cương bát nhã ba la mật 118
 - b. Ngã chấp trong Kim cương 119
 - c. Bát nhã của Kim cương 122
 - d. Phát tâm, trú tâm và hàng tâm 124
8. Kim cương : đại thừa với tiểu thừa 125
 - a. Vấn đề Phật 125
 - b. Vấn đề chúng sinh thành Phật 126
 - c. Vấn đề niết bàn 127
9. Thực hành Kim cương 129
10. Vị trí của Kim cương 130

dẫn nhập

Dẫn nhập này quá hơn những lời hướng dẫn. Ở đây thực sự giải thích những gì cần làm trước như vậy về Kim cương.

1. Kinh Kim cương

Trong văn chương Trung hoa, Kim cương và Tịnh danh của ngài La thập dịch, được ưa thích không những từ phía quần chúng mà còn từ phía trí thức. Phật tử hay người ngoài đều như vậy. Nhưng trong hai kinh ấy, Kim cương được ưa thích hơn. Liều trai cho thấy tác giả của nó ưa thích Kim cương đến thế nào. Đó là chỉ nói một tác phẩm dị thường.

Trong sự tụng niệm, Kim cương với Pháp hoa của ngài La thập dịch được tụng niệm nhiều nhất, ở các xứ Phật giáo văn hệ Trung hoa. Nhưng trong hai kinh ấy, Kim cương cũng được tụng niệm nhiều hơn.

Trong linh nghiệm, những sự **ấy** xảy ra ở Trung hoa và còn được ghi lại thì Kim cương có 113 tờ so với 37 tờ của Pháp hoa. Tất cả đều nằm trong Vạn 149/38-150. Trong số này, các tờ 60-73 là trích Thái bình quảng ký, sách ngoài, có tiếng.

Đặc biệt nhất, Kim cương liên hệ trọn vẹn đối với lục tổ Huệ năng, một hiện tượng rất độc đáo của Phật giáo Trung hoa. Truyện kể khá rõ trong Pháp bảo đàn (Chính 48/337- 364) và đại khái như vậy. Có một chàng tiểu phu không biết chữ, chưa vợ con, còn mẹ già. Một hôm nhân bán củi mà được nghe tụng Kim cương, liền đốn ngộ. Hỏi, được biết ngũ tổ Hoàng nhẫn dạy ai cũng nên tụng kinh ấy. Tiểu phu liền thu xếp cho mẹ già, lặn lội đến Hoàng mai yết kiến ngũ tổ. Rồi một đêm, tế nhị và bí mật, ngũ tổ lấy ca sa trương ra che kín thiền thất, đem Kim cương giảng cho. Giảng đến câu “hãy đừng ở vào bất cứ nơi nào mà sinh tâm ra” (đoạn 13) thì tiểu phu đại ngộ tất cả các pháp không ngoài tự tánh, và thưa rằng không ngờ tự tánh vốn tự trong sáng, không ngờ tự tánh vốn bất sinh diệt, không ngờ tự tánh vốn tự đủ cả, không ngờ tự tánh vốn không dao động, không ngờ tự tánh vốn sinh vạn pháp. Đó là cuộc truyền ngôi tổ vị thứ sáu, anh chàng tiểu phu liền thành lục tổ Huệ năng. Sau này lục tổ khuyên người làm theo chánh định Bát nhã bằng cách tụng niệm Kim cương, với lời nói giản dị : lúc nào chỗ nào tâm cũng đừng ngu, ngu một chút là bát nhã mất một chút, trí một chút là bát nhã sinh một chút.

Với văn dịch của Td, Kim cương hoa văn quả thật ý càng cao từ càng giản, giản mà hoa. Đọc tụng cảm thấy tiêu sái, khoáng sáng, thấy chẳng có gì mà không bỏ nổi, chẳng có gì mà không làm được.

2. Tài liệu tham khảo để dịch giải Kim cương

Chính văn mà tôi dịch giải là Td. Nhưng để hiểu chính văn này, cần phải tham khảo sáu bản dịch khác mà bảng viết tắt đã liệt kê [xem bản viết tắt]. Các bản chú thích phải tham khảo là của ngài Tăng triệu ; của các đại sĩ Vô trước, Thế thân và Công đức thi ; của các đại sư Trí giả, Cát tạng và Khuy cơ ; của các đại sư Trí nghiệm, Đức thanh, Trí húc và Thái hư cũng có tham khảo. Văn bản của các vị trên đây nằm trong Chính 25 và 33, trong Vạn 38 và 39, riêng của đại sư Thái hư có đến ba bản, nằm trong toàn thư tập 11.

Đọc kỹ các bản dịch khác mới càng thấy Td được tôn sùng rất phải. Cũng nhờ đọc các bản dịch khác

mới hiểu Td rõ ràng. Các bản dịch khác, Hd có lẽ bị thêm vài chỗ ; và khá kỳ, nhưng quý, là Cd cố ý không đảo trang, nhuận sắc.

3. Vài dòng về dịch chủ La thập và ngài Tăng triệu

Ai liên hệ đến Phật giáo văn hệ Trung hoa đều biết ngài La thập, nhất là biết lối dịch thượng thặng của “ông vua giới phiên dịch” ấy (từ ngữ của Lương Khải Siêu, Phật học nghiên cứu bài 6). Sinh bình ngài có một sự tự than : nếu đặt bút viết A tỳ đạt ma của đại thừa thì Ca chiên diên không bằng, nhưng ở đất Tần thì viết làm gì (Chính 55/101). Khi lâm chung, thệ nguyện nếu phiên dịch không sai ý Phật thì hỏa thiêu rồi lưỡi vẫn còn, và quả nhiên lưỡi vẫn còn. Sau đó có người cho biết những gì ngài dịch chỉ được một phần mười những gì ngài thuộc lòng (Chính 55/102). Ngài thọ 70 tuổi, mất năm quý sửu (dương lịch 413) ngày 13 tháng 4 (ngài Tăng triệu ghi trong lời viếng thầy, Chính 52/264). Thì gian phiên dịch chỉ được 12 năm (401-412), tạm ghi theo Lương Khải Siêu (Phật học nghiên cứu, phụ lục bài 1).

Còn ngài Tăng triệu thì là Nhan Hối và Tăng Sâm của ngài La thập, đứng đầu tứ thánh thập triết. Ngoài sự cộng tác việc dịch của thầy, ngài còn chú thích và trước thuật. Chú thích hiện còn hai bản là Kim cương và Tịnh danh, trước thuật hiện còn, gọi là Triệu luận. Với Triệu luận, cho đến nay ngài vẫn đứng đầu trong sự lĩnh hội Bát nhã, và ngoài đời thì cũng với Triệu luận, ngài đi vào văn học gia và văn học sử Trung hoa.

Riêng bản chú thích Kim cương thì Trung hoa thất lạc lâu lắm. Nhật bản năm 1688 mới phát hiện và ấn hành. Bản chú thích này nếu không phải viết lúc ngài La thập đang còn thì sau đó cũng không lâu, vì ngài Tăng triệu không thọ, mất lúc 31 tuổi, cùng năm với thầy (Chính 50/365). Chỉ tiếc là tôi có tìm mà chưa thấy khi ngài La thập dịch Kim cương thì ai là người bút thọ, ai là người viết tựa mà tôi tin là có, và dịch vào năm nào.

4. Cách dịch và cách giải Kim cương được áp dụng

Như đã nói, chính văn mà tôi dịch giải là Td. Lý do không những vì Td là định bản Kim cương, mà còn vì càng so sánh với các bản dịch khác càng thấy nên lấy Td làm chính văn. Đại sư Khuy cơ, đệ tử đắc truyền của ngài Huyền tráng, mà khi chú thích Kim cương cũng chú thích Td, không chú thích bản dịch của thầy mình (Hd), như vậy cũng đủ biết giá trị của Td.

Về cách dịch, để dễ tụng, tôi cố ý dịch mỗi câu bốn chữ và mỗi đoạn không lẽ câu. Tổng cộng có 52 đoạn, 1544 câu. Tuy nhiên, để mỗi dòng một câu thì dễ tụng mà đọc không dễ hiểu như bình thường các câu liền nhau trong một dòng, nên phần tụng niệm tôi để mỗi dòng một câu, mà phần giải thích thì để các câu liền nhau như tạng văn thường. Trở lại nói cách dịch câu và đoạn như trên. Cách ấy thật mất thì giờ và công sức. Nhưng điều ấy không đáng nói. Điều đáng nói là dịch như vậy thì phải bớt hay phải thêm những chỗ không đáng bớt hoặc không đáng thêm, thậm chí có chỗ còn hại ý nghĩa không nhỏ, chưa nói có lúc vụng về một cách không đáng. Ấy thế nhưng tôi vẫn áp dụng cách dịch này ở đây, vì cốt cho dễ tụng.

Lối giải thì những gì cần phải giải thích trước và chung thì phải làm như vậy trong phần Dẫn nhập này, rồi sau đó giải thích chính văn. Giải thích chính văn thì bằng ba mục là phân khoa, ghi chú và lược giải. Dĩ nhiên chỗ nào không cần thì thôi một hay hai trong ba mục ấy. Riêng mục ghi chú sẽ gồm có sự khảo dị, đối chiếu với các bản dịch khác, ở những chỗ nào cần phải làm như vậy.

Cũng phải nói trước ở đây về mục phân khoa, tức phân chia và tiêu đề các tiết mục mà lập thành Mục lục. Các tiết mục này, phần đại thể thì tôi theo ngài Tăng triệu, và sẽ được nói sau đây, còn phần hệ thuộc thì tôi phải tự làm lấy. Phân chia và tiêu đề các tiết mục cũng là cách giải thích, nhưng là cách

giải thích nói lên nhiều nhất ý kiến chính của người giải thích. Nhất là trường hợp Kim cương trùng văn không ít, nhưng phân chia và tiêu đề thì thấy liền văn giống mà ý khác. Tôi biết như vậy, nhất là muốn dịch giải Kim cương một cách hết lòng cẩn trọng, nên không phải muốn khoe khoang hay lập dị và tự làm như vừa nói. Tự làm chỉ vì sở tri lượng của tôi phải tự làm mà thôi.

5. Đại thể của Kim cương

Ngài Tăng triệu nói chủ yếu của kinh này là không tuệ, nên đại thể có ba phần : Các đoạn 1-15 nói cảnh không (nhưng ý nói cảnh, chưa nói tuệ) ; các đoạn 16-28 nói tuệ không (nhưng chỉ nói tuệ, chưa nói người) ; các đoạn 29-52 nói người không (tức là Bồ tát không). Văn tự ba phần tự biểu hiện như thế, nên trước sau tuy có phần giống nhau mà thật ra ý nghĩa không giống. Trong bốn thời Phật thuyết Bát nhã, kinh này là thời đầu tiên. Lời ước lược, nghĩa phong phú, cái ý sâu kín khó mà thấy được (Vạn 38/208B).

Không tuệ là tuệ Bát nhã : tuệ giác như thật tri kiến về Như (coi ghi chú 11 của Dẫn nhập), nghĩa là không còn ngã chấp nên gọi là không tuệ. Không tuệ ấy như thật tri kiến về đối tượng của nó thì gọi là cảnh không, như thật tri kiến về bản thân của nó thì gọi là tuệ không, như thật tri kiến về chủ thể của nó (về người tu không tuệ) thì gọi là người không. Ba phần như vậy tôi đối từ ngữ như sau và đã ghi trong Mục lục : kim 1 như thật tri kiến về đối tượng, kim 2 như thật tri kiến về tuệ giác, kim 3 như thật tri kiến về chủ thể.

Nhưng ba tiết mục đại thể này không được ngài Tăng triệu phân chia tiết mục hệ thuộc, nên việc ấy, như đã nói, tôi phải tự làm. Và vì vậy mà có sự tách các đoạn 1 đến 6 làm kinh 1 mở đầu, tách các đoạn 49 đến 52 làm kinh 3 kết thúc, còn các đoạn 7 đến 48 là kinh 2 nội dung gồm cả ba phần đại thể nói trên. Việc này không vì khuôn sáo mà vì chia tiết mục đại thể và hệ thuộc thì văn kinh tự có như vậy.

Điều phải nói thêm, và đây mới thật là đại thể của Kim cương, ấy là từ đại thể trên mà nhìn và nói cách khác cho thật sát văn kinh, thì đại thể kinh này có hai phần. Phần 1, với hai câu hỏi đáp mở đầu, cho thấy phải có Bát nhã loại bỏ ngã chấp mới phát nguyện và phát huy bồ đề tâm một cách chính xác. Phần 2, từ đó cho đến cuối, cho thấy Bát nhã ấy loại bỏ ngã chấp như thế nào. Cả hai phần này cùng với chi tiết như Mục lục ghi (mà đổi số chút ít) chứ không chi khác.

6. Đối tượng của Kim cương

Kinh này Phật cốt dạy cho ai ? Trong phần mở đầu, trừ Nd và Ecd sau 1250 vị tỷ kheo ghi thêm chúng đại bồ tát, tất cả các bản khác chỉ ghi 1250 vị tỷ kheo mà thôi. Thêm nữa, trong phần kết thúc, Bd, Nd và Ecd ghi thêm bồ tát đại sĩ, nhưng các bản khác chỉ ghi bốn chúng và chư thiên, nhân loại, a tu la, và chỉ ghi ở đây chứ không ghi trong phần mở đầu. Như vậy đối tượng chủ yếu của Kim cương là các vị tỷ kheo, nói cách khác là các vị Thanh văn.

Ở đây nên so sánh với Pháp hoa. Pháp hoa lấy Thanh văn làm đối tượng, xác quyết là họ chưa được niết bàn hoàn toàn. Niết bàn hoàn toàn là phải như Phật. Họ từng là đệ tử được Phật dạy cho làm Phật chứ không phải làm La hán. Kim cương cũng vậy mà không vậy. Cái tim của Thanh văn là vô ngã, Kim cương cho thấy họ chưa vô ngã. Kim cương không phủ nhận Thanh văn bằng cách cho họ thấy họ tăng thượng mạn, tự tôn tự mãn với vị trí mà Phật giả định - dầu đến đoạn 25, Kim cương cũng nói vì sự ấy mà họ không tin nổi Kim cương. Thế nhưng Kim cương không phủ nhận gì hết, mà chỉ cốt dạy cho Thanh văn cái tuệ giác Bát nhã để họ tự nhìn thấy cái ngã mà tận trừ, bước tới. Do vậy, Kim cương ít nói lý pháp mà nói hạnh pháp và nói quả pháp nhiều hơn : nói ngay cái tuệ giác, cái việc tu hành và đắc quả của tuệ giác ấy.

Nhưng trên đây chỉ là một cách xét. Xét cách khác thì đối tượng Kim cương là Bồ tát. Bồ tát ở đây có hai. Một là các vị Thanh văn đã hay có thể chuyển thành Bồ tát ; Bồ tát như vậy là như đã nói trên đây. Hai là Bồ tát theo Bồ tát thừa ; các vị này, qua sự đối thoại với ngài Tu bồ đề, Phật đã nói đến từ đầu đến cuối kinh này.

Bồ tát là gì ? Trong văn chương tư tưởng bình dân của Ấn độ, Bồ tát là mẫu người lý tưởng. Tựa như quân tử của Trung hoa, Bồ tát của Ấn độ cũng vậy mà hơn vậy : minh triết, dũng liệt, xả thân, cứu đời... Phật giáo thì đời Phật, và ngay loài người, cũng có các vị Bồ tát nổi tiếng. Thắng man phu nhân... nhóm Hiền hộ... và Duy ma, một người không những là Bồ tát mà còn là Bồ tát bất khả tư nghị. Thêm nữa, nói về Bồ tát thì rõ ràng có cái khuynh hướng cho tại gia cũng quan trọng, chưa nói có khi quan trọng hơn ; nói về Bồ tát hạnh thì rõ ràng quan trọng là bố thí, nhẫn nhục và tuệ giác ; và căn bản của mọi sự trên đây là phát bồ đề tâm, chữ phát vừa có nghĩa phát nguyện vừa có nghĩa phát huy. Bồ tát là như vậy, nhưng đứng về mặt Tam bảo thì Bồ tát phải làm tử kheo mới được ngang với tử kheo, với Thanh văn, và cũng là Tăng bảo ; chỉ đứng về mặt làm Phật thì Bồ tát mới được nhận là Phật tử đích thực, mới là người sẽ đạt đến địa vị của Phật.

Bồ tát, như vậy, không thể không có Bát nhã -không thể còn có ngã chấp mà được gọi là Bồ tát, mà làm được việc của Bồ tát. Đối tượng Bồ tát của Kim cương là như vậy.

7. Nội dung của Kim cương

Ở đây sẽ đi sâu vào một vài chi tiết mà qua đó càng thấy nội dung kinh này, ngoài nội dung đã thấy qua hai điều 5 và 6 ở trên.

a. Ý nghĩa danh hiệu Kim cương bát nhã ba la mật

Kim cương là chất kim cương, ở đây lấy chất ấy ví dụ cho sự khó phá hủy. Bát nhã là tuệ giác như thật tri kiến về Như (coi ghi chú 11 của Dẫn nhập). Ba la mật là rời bỏ, vượt đến : rời bỏ bờ bên này là vượt đến bờ bên kia, tức là nói đến sự toàn hảo. Kim cương bát nhã ba la mật có hai nghĩa.

Nghĩa thứ 1, kim cương ví dụ cho ngã chấp; tuệ giác toàn hảo có năng lực phá hủy cái ngã chấp khó phá hủy đó, nên gọi tuệ giác ấy là Kim cương bát nhã ba la mật. Hd và Nd thêm hai chữ năng đoạn (Năng đoạn kim cương bát nhã ba la mật : Năng đoạn kim cương chi bát nhã ba la mật) thì chỉ làm cho nghĩa thứ 1 này rõ hơn để khỏi lầm rằng Kim cương bát nhã ba la mật có nghĩa thứ 2 dưới đây.

Nghĩa thứ 2, kim cương ví dụ cho chính tuệ giác ; tuệ giác toàn hảo có cái năng lực khó phá hủy là phá hủy được ngã chấp, nên tuệ giác ấy gọi là Kim cương bát nhã ba la mật.

Như vậy danh hiệu kinh này cho thấy kinh này cốt nói năng lực của Bát nhã và nói ngã chấp mà năng lực ấy phá

hủy.

b. Ngã chấp trong Kim cương

Kim cương nói về ngã chấp bằng bốn tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Tướng, các bản khác dịch tướng hay chấp, vậy tướng là ý tưởng, tức khái niệm. Về bốn tướng, thứ tự có thể không phải là ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, như Td và Bd ghi, mà là như sau, theo các bản dịch khác : ngã, chúng sinh, thọ giả, nhân.

Ngã thì bản nào cũng dịch là ngã. Chúng sinh thì Hd là hữu tình. Thọ giả thì Hd là mạng giả. Nhân thì Hd chỉ dịch âm là bồ đặc đà la (dịch nghĩa : sát thủ thú), Chd là thọ giả (chữ thọ là chịu), Nd là cánh

cầu thú. Do sự cắt nghĩa của đại sĩ Thế thân (Chính 25/783 và 876) mà biết ngã là khái niệm tự ngã, chúng sinh là khái niệm sinh thể (hay khái niệm liên tục), thọ giả là khái niệm đời sống (hay khái niệm tồn tại), nhân là khái niệm tái sinh.

Nếu sắp thứ tự ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả thì đọc và hiểu dễ hơn, nhưng dấu muốn dấu không, thứ tự ấy cũng hàm ý nghĩa ngã nhân là tự tha (tôi với anh), và chính hàm ý này lại khẳng định tự ngã hơn lên.

Ngoài bốn tướng này, Hd còn nói sĩ phu, ý sinh, ma nạp bà, tác giả, thọ giả. Trong 5 chữ này chữ ma nạp bà đáng nói. Chữ ấy có người nói phải dịch là thắng ngã (Phật học đại từ điển 2569), và nhân đấy nên nói lược về ngã chấp.

Ngoại đạo ban đầu nói chỉ ông trời Đại phạm hay ông trời Đại tự tại mới có trước, tự có, rồi sinh ra và chi phối tất cả, nghĩa là chỉ ông trời ấy mới là ngã. Kế đến, ông trời ấy biến thành phiếm thân : cái bản thể phổ biến của ông trời ấy phú cho mỗi người mỗi vật đều có một phần ; phần ấy đồng nhất với ông trời, vậy là ông trời = bản ngã = tự ngã. Tự ngã này biểu thị lăm đặc tính tự tại chủ thể (tự chủ và chủ đạo) dưới những danh xưng như những ký hiệu về nó : chúng sinh, thọ giả, nhân, v/v. Đó là ngã chấp của kiến thức lý thuyết. Kiến thức lý thuyết ấy thật ra bắt nguồn rồi suy diễn từ ngã chấp của mỗi người chúng ta, chưa nói của cả mọi loài động vật. Ngã chấp ấy chỉ là và chính là ý thức cái tôi : cái tôi tự chủ (ngã tướng), cái tôi mà do nó nên tôi là một sinh thể liên tục mà có tâm thức (chúng sinh tướng), là một sinh mạng có đời sống và sống hết đời (thọ giả tướng), là một linh hồn sẽ tái sinh những đời khác y như đời này (nhân tướng). Cái tôi như vậy không mấy ai nghe nói đến, chứ chưa nói không mấy ai biết nói đến, nhưng không vì vậy mà sự tự ý thức về nó không có. Trong ý thức bình thường rằng tôi đây, tôi khác anh đây, cũng như anh đấy, anh không phải tôi đấy, thì ý thức này chính là ý thức về ngã, càng đơn sơ bao nhiêu càng sâu dày bấy nhiêu. Ngã như vậy là bản năng hơn là kiến thức, nên động vật hạ đẳng nhất cũng có chứ đừng nói loài người. Ngã này là đệ thất thức, và mới đáng nói (vì Thanh văn cũng vẫn còn), hơn là nói đến ngã chấp của ngoại đạo (mà Thanh văn đã hết). Ngã này không phải chỉ là ngã trong hai thứ ngã với pháp, mà là ngã trong cả hai thứ ấy là nhân ngã và pháp ngã. Nói giản dị, hễ có ngã thì nhìn vào đâu cũng thấy ta ; thấy không phải ta chính là phản diện khẳng định sự thấy ta. Ngã này mới là cái ngã của Kim cương nói đến, cái ngã mà chỉ có Bát nhã mới hủy diệt được.

c. Bát nhã của Kim cương

Kim cương nói Phật có năm thứ mắt, hai thứ nghĩa đen, ba thứ nghĩa bóng. Hai thứ nghĩa đen là nhục nhãn với thiên nhãn. Nhục nhãn nhìn không suốt qua chướng ngại vật và bóng tối, nhìn không xa, thiên nhãn trái lại, nhưng thứ nào cũng nhìn thấy hình sắc như người với trời. Nói như người với trời mà thật ra không như rất nhiều : Phật thấy hình sắc mà không bị hình sắc lừa dối, không như người với trời thấy hình sắc nhưng thật ra chỉ nhìn thấy đối tượng. Ba thứ nghĩa bóng là tuệ nhãn, tức nhất thế trí, thấy thực thể ; pháp nhãn, tức đạo chủng trí, thấy cách tu ; Phật nhãn, tức nhất thế chủng trí, thấy hết thực thể, tướng dụng, cách tu. Tất cả năm thứ mắt này là Bát nhã toàn hảo của Phật trong Kim cương. Nhưng sơ khởi Phật dạy cho người nghe kinh này thì chính yếu là tuệ nhãn. Cách dạy nói khá nhiều là sở ngôn (nói rằng, gọi là) tức phi (là phi, là không phải) và thị danh (thế nên nói là, vì lý do ấy nên nói là). Dĩ nhiên sở ngôn, tức phi và thị danh không phải là một ước lệ nhất quán trong Kim cương, nhưng quá rõ ràng thể thấy cách dạy này nhiều chỗ giống nhau, và không thể không có tính cách nhất quán. Không những như vậy, mà đoạn 10 chữ phi có kèm chữ tính (tính phi phước đức), và Hd đoạn 14, không những “thân lớn ấy ngài nói là phi thân lớn, vì thế nên Ngài nói là thân lớn” mà còn thêm, “chứ không phải vì là thân lớn mà Ngài nói là thân lớn”.

Cách dạy như vậy cho thấy, ví dụ, chúng ta nói A thì Phật nói A đó là phi-A, và đó là tại sao Ngài nói là A (chứ không phải vì A là A mà Phật nói là A). Như vậy phi-A không phải là B, mà là A tự siêu việt, có trường hợp là tự phủ nhận, có trường hợp vừa tự phủ nhận vừa tự siêu việt. Vậy Phi là thế nào ?

Ở chỗ khác, Phi là duyên sinh tính không, là dương sinh vô sinh, hay thấp một chút là mộng ảo bào ảnh (mà đoạn 51 của Kim cương cũng nói đến, trong trình độ này). Nhưng ở Kim cương thì Phi có cái ngữ khí trực chỉ : Phi là như thật tri kiến các pháp toàn là Như. Nói giản dị một chút, Phi là siêu việt : siêu việt khái niệm và diễn tả. Cho nên A là phi-A (là Như), và đó là lý do tại sao Phật nói là A ; nói A như vậy thì không phải như ngã chấp chỉ thấy biết A là A và vì vậy mà nói là A.

Phi, như thế, là Bát nhã của Kim cương, như thật thấy biết nên thấy biết gì cũng Phi, hủy bỏ cái ngã thấy biết gì cũng là ngã cả.

d. Phát tâm, trú tâm và hàng tâm

Phát tâm, nói rõ là phát tâm bồ đề, nói rõ hơn nữa là phát tâm vô thượng bồ đề, và nói rõ nhất là phát tâm vô thượng chánh đẳng giác. Vô thượng chánh đẳng giác (a nậu đa la tam miệu tam bồ đề) là tuệ giác biết đúng, biết hết và biết hơn tất cả. Tuệ giác ấy là Bát nhã, là tuệ giác của Phật. Phát nguyện cầu mong tuệ giác ấy, đồng thời phát huy tuệ giác ấy, thì gọi là phát tâm – Phát huy trọn vẹn tuệ giác ấy là trở thành Phật đà. Phát nguyện và phát huy tâm bồ đề như vậy có hai lý do, và do đó có hai việc làm, ấy là vì thương nỗi đau khổ của chúng sinh mà nỗ lực cứu độ, vì xót sự suy tàn của chánh pháp mà nỗ lực duy trì.

Phát tâm như vậy là căn bản của đại thừa, là làm theo đại thừa (nên thay vì phát tâm bồ đề, có bản dịch là phát thú đại thừa). Phát tâm thì phải trú tâm và hàng tâm. Trú là đứng vững, là trú ở. Hàng là buộc đầu hàng, là chiến thắng, sửa chữa. Trú tâm là trú ở nơi sự phát tâm, hàng tâm là hủy diệt ngã chấp. Nói cách khác, trú tâm hàng tâm là vận dụng Bát nhã. Như vậy chủ đích Kim cương là dạy Bát nhã để phát tâm, trú tâm và hàng tâm. Đó là nội dung căn bản của kinh này.

Ở tiểu thừa, tuệ giác các vị Thanh văn hủy diệt ngã chấp chỉ là ngã chấp lý thuyết như ngoại đạo nói, còn ngã chấp bản năng mà chúng sinh có thì Thanh văn còn tự mãn tự tôn là vẫn còn loại ngã chấp ấy. Do vậy, sự phát tâm, trú tâm và hàng tâm đã nói trên không được có ở các vị Thanh văn. Kim cương dẫn tiến Thanh văn, cũng dẫn tiến Bồ tát, là dẫn tiến cái điều căn bản này đây.

8. Kim cương : đại thừa với tiểu thừa

Vấn đề không phải cần đặt ra do một số luận điệu gần đây liên hệ đến đại thừa tiểu thừa, mà vấn đề đặt ra để một mặt nhìn nội dung Kim cương rõ hơn nữa, mặt khác cần nói đến mấy vấn đề căn bản của đại thừa tiểu thừa, ít nhất cũng nói mở đầu và vấn tắt.

a. Vấn đề Phật

Tiểu thừa thì nhất thiết cho Phật cũng chỉ là một vị La hán. Căn cứ gần như duy nhất chỉ vì trong mười đức hiệu của Phật có đức hiệu La hán, và vì khi năm vị tỷ kheo thành La hán đầu tiên thì Phật nói thế gian có sáu vị La hán. Thật quá dễ dàng để thấy căn cứ như vậy không xứng đáng là căn cứ để nói Phật cũng là và chỉ là một vị La hán.

La hán tương đồng được một phần với Phật về đoạn đức (giải thoát), nhưng không tương đồng được phần nào với Phật về trí đức (tuệ giác) và ân đức (độ sinh). La hán không có 10 lực, 18 bất cộng và nhiều pháp khác của Phật, mà đó là những pháp số không phải chỉ đại thừa nêu lên. Trong tín ngưỡng, bốn bất hoại tín tin Phật riêng, tín Tăng riêng ; và ba ngôi báu cho thấy Phật bảo không thể là Tăng bảo. Trong qui chế, Phật không đồng chúng kiết ma tác pháp tăng sự. Thành thật luận (của tiểu thừa) đã nói rõ như vậy (Chính 32/258).

b. Vấn đề chúng sinh thành Phật

Tiểu thừa không công nhận, ngay cả trong thì gian, rằng ai cũng có thể thành La hán, có đâu công nhận ai cũng trở thành Phật đà. Đại thừa thì sự công nhận này là một trong những căn bản quan trọng, đặc biệt quan trọng cho tín niệm độ sinh.

c. Vấn đề niết bàn

Hai vấn đề trên nói theo ngôn ngữ Kim cương thì Như lai là Như, chúng sinh là phi chúng sinh (nghĩa là cũng Như). Do vậy, cả hai vấn đề dẫn đến vấn đề Niết bàn, vì Niết bàn là Như chứ không chi khác.

Tiểu thừa hay nói mình không đề cập bản thể, có khi còn loạn hơn, cho bản thể là không có, là biến chế từ ngoại đạo. Nhưng có lúc cũng thấy ra bản thân của mình, và đỉnh cao của mình là Niết bàn, dầu nói hoa mỹ đến đâu cũng không khỏi bị cho là hư vô, đoạn kiến. Ấy thế nên gần đây hay đề cao Như lai (Tathata). Như lai, đúng ra là Như, ở tiểu thừa gần như không nói đến, trừ ra nói đến trong chữ Như lai, và Thành thật luận nói thừa như thật đạo lai thành chánh giác (Chính 32/242) ; càng không xác định rằng Như lai là sự thật, là bản thể trung thực. Đại thừa, như Kim cương, với chữ Phi, cho thấy Như lai là cả hai : là bản thể trung thực và vì bản thể này mà sự thật các pháp không phải những gì ngã chấp thấy là thật. Nói giản dị, Như là bản thể siêu việt của các pháp. Như ấy là Niết bàn.

Ở tiểu thừa, Niết bàn được chứng dưới hai dạng : dạng thứ nhất đoạn tập đế mà còn khổ đế, dạng thứ hai khổ đế cũng không còn. Thuật ngữ gọi hai dạng này là hữu dư y và vô dư y. Nhưng Niết bàn rồi, nói nôm na, cái thân thuộc khổ đế này chết rồi, thì sau đó là thế nào ? Ở đây chỉ còn diễn tả bằng mấy cách mà đáng nói là vài cách sau đây. Cách thứ nhất, có người rành xương người chết. Người chết đã là gì, và là gì sau khi chết, người ấy cầm xương mà gõ là biết hết. Nhưng có một loại xương người ấy cầm gõ không thể biết là gì cả, vì đó là xương La hán : La hán không còn sinh ra nữa nên người ấy không thể biết là gì như đã biết các loại xương khác. Cách thứ hai là nói Như lai phi chung phi bất chung - thì đại thừa mới cắt nghĩa được cách nói này có ý nghĩa gì.

Đại thừa không nhận Niết bàn như trên là cứu cánh. Niết bàn như trên, và đức Phật có Niết bàn như trên, gần như không thể nói là liên quan đến sự tồn tại của chánh pháp và sự giải thoát của chúng sinh.

Đại thừa nói căn bản của Niết bàn là Như. Thực thể chúng sinh là Như nên Phật mới có thể làm cho Niết bàn thể hiện. Niết bàn ấy là vô trú niết bàn : vì có đại bi nên không ham niết bàn, vì có đại trí nên không bị sinh tử - đại nguyện tự tại ở trong sinh tử mà hóa độ chúng sinh. Niết bàn của đại thừa là như vậy. Nên trong đoạn mở đầu Kim cương đã nói đến Niết bàn, rồi trong đoạn gần cuối Kim cương nói rõ rằng tâm nguyện bồ đề thì không nói đoạn diệt.

9. Thực hành Kim cương

Những điều đã trình bày ở trên cho thấy thực hành theo Kim cương là như thế nào. Phát tâm, trú tâm và hàng tâm là quan trọng nhất. Thực hành theo Kim cương là như thế. Và như đã thấy, phát tâm, trú tâm và hàng tâm là vô trú bát nhã, được diễn đạt bằng chữ Phi.

Sánh với chữ Không của toàn bộ Bát nhã, chữ Vượt qua (yết đế) của bát nhã tâm kinh, thì chữ Phi của Kim cương bát nhã hoạt bát hơn nhiều lắm. Chữ Phi được thực hành bằng luận chứng sơ khởi là bài chĩnh cú cuối cùng của Kim cương, quán sát các pháp hữu vi như mộng ảo bào ảnh. Nhưng chữ Phi cũng có thể thực hành từ sơ khởi đến chung cục theo phong cách của Thiền tông. Theo phong cách ấy thì thấy gì cũng phi cả. Nhất là phi cả cái Phi. Phi thì không vướng mắc vào đâu cả, nhất là vướng mắc vào phóng đăng, phóng khí, tự nhiên, nhác, nhát, thoái chuyển, lệch hướng. Phi thì làm cho tâm trí và tâm hồn rộng thông như không gian mà phong phú như hoa lá. Minh với cuộc đời phi tức mà cũng phi

ly, siêu nhiên cũng như tục lụy đều không vướng mắc.

Loài cọp cũng như loài mèo, khi bị ném lên trong không thì có cái khả năng chuyển mình để rơi xuống vẫn chạm đất bằng bốn chân. Chúng không thương tổn hay phải chết vì sự rơi xuống, dầu rơi xuống từ cao. Thiền tông lấy hình ảnh này làm một bài học cho co n người rơi vào cuộc đời này. Bài học quan trọng ở chỗ ta có chuyển mình được như cọp với mèo hay không. Chữ Phi là sự chuyển mình ấy.

10. Vị trí của Kim cương

Sự phát tâm và sự niết bàn của Kim cương vừa nói trên đây cho thấy đại thừa không đặt sự tồn tại của chánh pháp ngoài sự lợi ích của cuộc đời, không đặt sự toàn giác ngoài sự độ sinh. Do vậy, đại thừa thích ứng mọi xã hội. Nhưng nội cách nói sở ngôn, tức phi và thị danh mà thôi, Kim cương đã cho thấy đại thừa thích ứng như thế nào. Đại thừa không như phàm phu và tiểu thừa thấy A vì A là A : thấy có hay thấy không đều thấy theo cái ngã bản năng – Và chính vì thế mà tai họa cho cuộc đời, chính vì thế mà lý tưởng vị tha cũng thành ra đỉnh cao vị kỷ. Đại thừa thấy vì A là phi-A nên mới là A : biến mọi hoạt động của bản năng thành mọi hoạt dụng của đại thừa. Thích ứng như vậy là Bát nhã của Kim cương được hoạt dụng vào sự thích ứng. Thì sự thích ứng không những có, mà còn có một cách hoạt bát chứ không phải tha hóa, không phải tục hóa. Khả năng này được đặt thành vấn đề, và là vấn đề chính yếu, thì đại thừa và Kim cương của đại thừa phải được quan tâm nghiêm chỉnh.

| 1. Chánh Văn | **2. Dẫn Nhập** | 3. Lược Giải |

| 1. Chánh Văn | **2. Dẫn Nhập** | 3. Lược Giải |

3. LƯỢC GIẢI KIM CƯƠNG

mục lục lược giải

lược giải Kim cương 132

Kinh 1.- mở đầu 132

Kim 1.- mở đầu như các kinh khác (đoạn 1) 132

Kim 2.- mở đầu bằng hai câu hỏi đáp căn bản (đoạn 2-6) 134

Kinh 2.- nội dung 143

Kim 1.- như thật tri kiến về đối tượng 143

Kim 2.- như thật tri kiến về tuệ giác 164

Kim 3 : như thật tri kiến về chủ thể 183

Kinh 3.- Kết thúc 213

Kim 1.- kết thúc ứng với 2 câu hỏi đáp căn bản 213

Kim 2.- kết thúc như các kinh khác (đoạn 52) 218

lược giải Kim cương

Phân khoa.-

Kim cương được dịch thành 1544 câu, 52 đoạn, phân khoa có năm lớp, đánh dấu bằng 5 chữ : kinh,

kim, cương bát, nhã. Kim cương có ba kinh, kinh 1 mở đầu, kinh 2 nội dung, kinh 3 kết thúc.

Kinh 1.- mở đầu

có hai kim : kim 1 mở đầu như các kinh khác, kim 2 mở đầu bằng hai câu hỏi đáp căn bản.

Kim 1.- mở đầu như các kinh khác (đoạn 1)

Chính văn.-

1. Tôi nghe như vậy : Một thời Thế tôn ở nước Xá vệ (1), trong khu lâm viên Chiến thắng Thiện thí (2), cùng với một ngàn hai trăm năm chục vị đại tử kheo (3).

Ghi chú.-

(1) nước Xá vệ.- Xá vệ vốn là tên thủ đô nước Kiều tát la (nên gọi là thành Xá vệ). Sau vì để khác với nước Kiều tát la ở nam bộ Ấn nên lấy tên Xá vệ làm quốc hiệu luôn. Xá vệ có nghĩa là Nổi tiếng. Thời Phật, đây là nước của Ba tư nặc vương, thuộc tây bắc bộ Ấn.

(2) Chiến thắng thiện thí.- Chiến thắng (hay Thắng) là dịch nghĩa tên vương tử Kỳ đà. Thiện thí (khéo cho) hay Cấp cô độc (chu cấp những người cô độc) là dịch nghĩa tên trưởng giả Tu đạt đa. Chiến thắng Thiện thí, hay (Thắng cấp cô độc) là liên danh hai người này để gọi khu vườn rừng mà họ chung nhau hiến Phật. Ở đó có tinh xá Kỳ viên, nơi Phật thuyết Kim cương.

(3) Sau câu này, Nd và Ecd thêm : và các đại bồ tát.

Phân khoa.-

Kim 2.- mở đầu bằng hai câu hỏi đáp căn bản (đoạn 2-6)

Chính văn.-

2. Vào lúc bấy giờ gần đến giờ ăn, nên đức Thế tôn sửa y, cầm bát (1), đi vào khát thực trong thành Xá vệ. Tuần tự khát thực (2) trong thành này rồi, Ngài về chỗ ở, ăn uống xong xuôi, thu dọn y bát, rửa sạch hai chân và trải đồ lót lót chỗ mà ngồi (3).

Ghi chú.-

(1) Sửa y, cầm bát.- Y là y ca sa, bát là bát úng khí

(2) Tuần tự khát thực.-là khát thực hết đường này đến đường khác, hết nhà này qua nhà khác, không lựa chọn, dầu được hiến cúng hay không, và chưa giáp vòng thì không trở lại trên một đường, đến lại nơi một nhà.

(3) Trải đồ lót lót chỗ mà ngồi.- (a) Dịch rõ như vậy là tham chiếu Cd. Chỗ ngồi của Phật có thể do Ngài tự sắp, hoặc do người sắp cho như Nd và Ecd dịch, nhưng ai sắp đi nữa thì trước khi ngồi, Phật cũng tự trải tọa cụ lót chỗ ấy rồi mới ngồi. Phép của tử kheo là như vậy. (b) sau câu này, các bản dịch khác đều thêm : “mà ngồi xếp bằng, thẳng mình, tập trung tư tưởng như đối trước mặt. Các vị tử kheo đến chỗ Ngài, lạy ngang chân và đi quanh Ngài ba vòng rồi ngồi xuống một bên”. Có người chú thích tập trung tư tưởng như đối trước mặt là Phật nhập đại định Bát nhã, và thuyết Kim cương là sự biểu hiện kỳ diệu của đại định này. Thêm và cắt nghĩa như vậy không khỏi khuôn sáo và mất đi sự giản dị của Phật đáng có ở đây.

Lược giải.-

Tả Phật như đoạn này là nói Phật vì chúng sinh nên không ở niết bàn mà ở sinh tử, và ở sinh tử thì Ngài cũng chịu cái thân đói khát ăn uống, cũng làm một vị tỷ kheo, và là vị tỷ kheo rất gương mẫu. Tất cả điều này chính là vô trú bát nhã (vô trú niết bàn) của đại thừa mà Phật đem ra nâng đỡ và giao phó cho Bồ tát, một cách đích thân biểu thị chứ không phải chỉ cần lời nói.

Chính văn.-

3. Lúc ấy Thiện hiện (1), một vị trưởng lão, cũng có ở trong các đại tỷ kheo. Từ chỗ mình ngồi, trưởng lão đứng dậy, vắt một vạt y, để trần vai phải, đầu gối bên phải quì xuống chầm đất, hai tay chắp lại, cung kính mà thưa : kính bạch Thế tôn, Ngài thật hiếm có ; Ngài khéo nâng đỡ (2) cho các Bồ tát, lại khéo giao phó (3) cho các Bồ tát. Kính bạch Thế tôn, thiện nam thiện nữ đã phát tâm nguyện vô thượng bồ đề (4), thì phải làm sao để ở tâm ấy ? và phải làm sao để sửa tâm mình ? (5)

Ghi chú.-

(1) Thiện hiện.- Là chữ Hs dịch nghĩa tên ngài Tu bồ đề. Các vị khác dịch Không sinh, Thiện cát, Thiện thật, Diệu sinh, đều cùng nghĩa. Ngài Thiện hiện là vị lãnh hội về Không hơn hết trong các vị đại đệ tử của Phật.

(2) Nâng đỡ.- Chính văn là hộ niệm, nghĩa đen là giữ gìn thương tưởng, trong đó có hàm ý truyền đạt cảm hứng.

(3) Giao phó.- Chính văn là phó chúc, nghĩa đen là phó thác căn dặn

(4) Phát tâm nguyện vô thượng bồ đề.- Có bản dịch phát thú đại thừa (khởi hành bằng đại thừa), có bản dịch cả hai từ ngữ : phát tâm bồ đề mà tu hành đại thừa hay ở trong đại thừa mà phát tâm bồ đề. Thật ra nên dịch một trong hai từ ngữ thôi, vì hai từ ngữ ấy chỉ có một nghĩa. Dầu vậy dịch phát bồ đề tâm thì sát chữ nghĩa của chính văn hơn cả, nhất là ăn khớp với câu đáp của Phật ở sau.

(5) a.- Cả hai ghi chú 4 ở trên và 5 ở đây phải coi lại Dẫn nhập điều 7 mục d. b.- các bản dịch khác có 3 câu hỏi : ở thế nào, tu thế nào và sửa thế nào. Thêm tu thế nào là thừa, vì ở với sửa là tu, nhất là thêm như vậy thì phân ba câu đáp của Phật rất miễn cưỡng.

Lược giải.-

Ngài Thiện hiện nhận thấy sự nâng đỡ và giao phó như đoạn 2 đã tả, nên hỏi như đoạn 3 ở đây – Hỏi để Phật nâng đỡ và giao phó bằng lời nói, rõ thêm cho sự nâng đỡ và giao phó không lời ở trên. Kim cương là sự nâng đỡ và giao phó bằng thân miệng của Phật giành cho các vị có tư cách Bồ tát. Hai câu hỏi ở đây, và hai câu đáp của Phật quán triệt toàn bộ Kim cương như vậy.

Chính văn.-

4. Đức Thế tôn dạy : tốt lắm Thiện hiện ; thật đúng như lời trưởng lão đã nói, Như lai rất khéo nâng đỡ Bồ tát, Như lai rất khéo giao phó Bồ tát. Do vậy, trưởng lão, hãy nghe cho kỹ, Như lai sẽ nói cho các vị biết thiện nam thiện nữ phát tâm bồ đề thì bằng cách nào trú ở tâm ấy, và bằng cách nào sửa chữa tâm mình. Trưởng lão thưa rằng, dạ, bạch Thế tôn, chúng con ước muốn được nghe ngài dạy.
5. Trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát thì phải sửa chữa tâm mình bằng tuệ giác này : Bao nhiêu chúng sinh hoặc sinh bằng trứng, hoặc sinh bằng thai, sinh bằng ẩm thấp, sinh bằng biến hóa, hoặc có hình sắc hoặc không hình sắc, hoặc có tư tưởng, hoặc không tư tưởng, có không tư tưởng (1), ta

làm hết thấy đều được nhập vào niết bàn hoàn toàn (2) mà giải thoát (3) cả. Làm cho vô lượng vô số chúng sinh niết bàn như vậy, mà thật không thấy có chúng sinh nào được niết bàn cả. Tại sao như vậy ? trường lão Thiện hiện, vì nếu Bồ tát mà vẫn còn có ý tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả thì Bồ tát ấy không phải Bồ tát.

6. Trường lão Thiện hiện đối với các pháp (1), Bồ tát không nên trú ở (2) đâu cả mà làm bố thí (3) : không ở nơi sắc mà làm bố thí, không ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp (4), mà làm bố thí. Trường lão Thiện hiện, Bồ tát hãy nên bố thí như thế : không ở đâu cả. Tại sao như vậy, vì nếu Bồ tát không ở đâu cả mà làm bố thí thì được phước đức không thể lường được. Trường lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, không gian hướng đông có lường được không ? Không, bạch Thế tôn. Trường lão Thiện hiện, không gian hướng nam, hướng tây hướng bắc, và cả bốn góc, cả trên cả dưới, có lường được không ? Cũng không, bạch Ngài. Trường lão Thiện hiện, Bồ tát bố thí mà không ở đâu thì được phước đức cũng y như thế không thể lường được. Trường lão Thiện hiện, Bồ tát chỉ nên trú ở theo lời Như lai dạy đây.

Ghi chú đoạn 5.-

(1) Có không tư tưởng.- Dịch sát và rõ : hoặc không phải có tư tưởng, không phải không tư tưởng.

(2) Niết bàn hoàn toàn.- Là vô dư niết bàn. Đối lại, niết bàn chưa toàn là hữu dư niết bàn. Chưa toàn là mới hết tập đế, hoàn toàn là hết khổ đế nữa.

(3) Giải thoát.- Ở đây chính vẫn là diệt độ (dứt tuyệt, vượt qua). Giải thoát hay diệt độ đều là nghĩa của chữ niết bàn.

(4) Ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả.- Coi lại Dẫn nhập điều 7 mục b.

Ghi chú đoạn 6.-

(1) Pháp.- Pháp ở đây chỉ cho sáu cảnh nói ở dưới, nhưng cũng có nghĩa rộng hơn là chỉ cho vạn hữu, bao gồm hết thấy tâm vật, ngã pháp, nhiễm tịnh, có không... Trong nghĩa rộng này, pháp không những là những thứ cụ thể, mà những sự lệ thuộc những thứ ấy cũng là pháp. Nên cây bút là pháp, mà cây bút ấy dài hay ngắn, cũ hay mới, đẹp hay xấu, hữu ích hay vô dụng, cũng là pháp cả. Một ý tưởng cũng vậy, nó là một pháp, nhưng nó là thiện hay ác, lợi hay hại, đúng hay sai, cũng toàn là pháp. Pháp, như vậy, là không đơn thuần ; mỗi pháp chính là và nghĩa là một khái niệm, biểu thị sự tổ hợp bao nhiêu là dữ kiện, đối chiếu, kinh nghiệm... Thế nên có, không, phi có, phi không, toàn là pháp cả, và vì thế, nên các pháp đều tự nói lên cái Phi của mỗi pháp.

(2) Trú ở.- Ở đây nghĩa là đam mê, vướng mắc, lấy làm đất đứng, làm yếu tố hỗ trợ.

(3) Bố thí.- Theo các vị chú giải, bố thí ở đây, và những chỗ tương tự, là gồm cả các pháp ba la mật khác nữa, trừ ba la mật căn bản là bát nhã. Không ở nơi sắc đến hương vị xúc pháp.- Sắc thanh hương vị xúc pháp, tạm dịch hình sắc, âm thanh, hơi hương, mùi vị, tiếp xúc và ấn tượng. Ở đây cũng nên dịch một chiều : sắc đẹp, tiếng hay, hơi thơm, mùi ngon, xúc khoái, bóng thích. Sáu thứ này hay gọi là 6 trần (6 loại bụi bặm làm mờ tâm trí), hoặc gọi là 6 cảnh (6 đối cảnh của 6 thức). Sáu thứ này bao gồm mọi tài sản ở trong (là thân thể, sức lực, tư tưởng), và tài sản ở ngoài (tiền của, tư liệu để sống, hưởng thụ). Trú ở 6 trần mà bố thí là cho người những thứ ấy mà kể, mà ý, nhất là cầu kết quả (mong được những thứ ấy mà nhiều và tốt hơn lên). Không trú ở mà bố thí là thuận theo bản thể không keo lẩn nên cho mà không thấy người cho, của cho và người nhận. Trú ở là ngã chấp, không trú ở là bát nhã.

Lược giải đoạn 4-6.-

Phật đáp câu hỏi sửa tâm như thế nào bằng cách nói nguyện độ chúng sinh mà không thấy có chúng

sinh là người được hóa độ, có mình là người hóa độ. Vì thấy như vậy là ngã chấp, không thể hóa độ chúng sinh. Phật đáp câu hỏi ở tâm như thế nào bằng cách nói là đừng ở đâu cả thì thế chính là ở nơi tâm nguyện bồ đề đó. Cách nói như hai câu đáp này cho thấy phát tâm ở đây là tín thành tựu phát tâm sắp lên trong Khởi tín luận ; sự không trú ở đâu cả là phương tiện thứ 1 của sự tín thành tựu phát tâm, là sự làm của sự giải hành phát tâm. “Không ở đâu cả thì như thế chính là ở nơi tâm nguyện bồ đề”, đó là vô trú bát nhã. Vô trú bát nhã ấy là căn bản ; từ sau các đoạn 2-6 mở đầu sắp đi, cho đến các đoạn 49-51 kết thúc ứng với các đoạn mở đầu này, chỉ là và toàn là vô trú bát nhã ấy. Mặt khác, bản năng chúng sinh là đam mê mới hoạt động : có trú ở mới có mọi sự, đầu là sự lý tưởng. Kim cương cho thấy bản năng ấy là ngã chấp; ngã chấp ấy được tập chuyển hóa, lọc bỏ, thì mọi hoạt động trở thành diệu dụng đại thừa.

Phân khoa.-

Kinh 2.- nội dung

có 3 kim : kim 1 như thật tri kiến về đối tượng, kim 2 như thật tri kiến về tuệ giác, kim 3 như thật tri kiến về chủ thể.

Kim 1.- như thật tri kiến về đối tượng

có 3 cương : cương 1 như thật tri kiến về Phật, cương 2 như thật tri kiến về Pháp, cương 3 như thật tri kiến Tăng.

Cương 1.- như thật tri kiến về Phật

có 2 bát : bát 1 như thật tri kiến về Phật, bát 2 đức tin của pháp thoại.

Bát 1.- như thật tri kiến về Phật (đoạn 7)

Chính văn.-

7. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, đối với Như lai, có thể hay không thấy bằng đặc tướng (1) ? Không, bạch Thế tôn, không thể thấy Ngài bằng các đặc tướng ; tại sao như vậy, vì theo Ngài dạy thì các đặc tướng là phi đặc tướng. Đức Thế tôn bảo trưởng lão Thiện hiện, hễ có đặc tướng thì đặc tướng ấy toàn là giả dối, nếu thấy đặc tướng là phi đặc tướng thì thấy Như lai (2).

Ghi chú.-

(1) Đặc tướng.- Ở đây chính văn là thân tướng, dịch đủ là tổng thể hoàn hảo mọi đặc tướng siêu nhân ; tức là chỉ cho cái thân trượng lục của Phật đủ 32 tướng đại trượng phu (hay đại sĩ phu). Chư thiên, các loài khác, loài người mà trong đó có các vị Thanh văn và các vị Bồ tát mới phát tâm, chỉ thấy Phật qua cái thân này – cái thân mà nay hay gọi là đức Phật trong lịch sử. Hễ có đặc tướng đến thì thấy Như lai.- Đặc tướng ở đây, chính văn là tướng, tham chiếu các bản dịch khác thì biết tướng ấy chỉ cho đặc tướng của Phật, mặc dầu chữ tướng ấy có thể bao gồm mọi hiện tượng. Giả dối ở đây là nói dối, gian trá, lừa phỉnh. Như lai ở đây nói Phật là biểu tượng của Như (coi ghi chú 1 của đoạn 30 và mục c điều 7 của Dẫn nhập). Trọn câu này được biết là Td dịch tắt, và vì vậy rất độc đáo, chuyển văn bao nhiêu sát ý bấy nhiêu, hơn hẳn các bản dịch khác như sau : đặc tướng toàn hảo đi nữa cũng là giả dối, phi đặc tướng mới là trung thực ; như vậy nên đem đặc tướng là phi đặc tướng mà nhìn Như lai (nên nhìn Như lai bằng cách thấy đặc tướng là phi đặc tướng ; Ecd sót câu này).

Lược giải.-

Vô trú bát nhã trước hết như thật tri kiến về Phật, qua đặc tướng của Ngài. Thì thấy đặc tướng ấy là phi đặc tướng mới thấy Ngài. Ở đây không cần đem hóa thân và pháp thân ra mà giải thích.

Phân khoa.-

Bát 2.- đức tin của pháp thoại (đoạn 8)

Chính văn.-

8. Trưởng lão Thiện hiện ; bạch đức Thế tôn, có thể có ai nghe pháp thoại (1) này mà sinh đức tin đúng chân lý không ? Đức Thế tôn dạy, đừng hỏi như vậy, trưởng lão Thiện hiện ; sau khi Như lai nhập niết bàn rồi, năm trăm năm sau (2), có ai giữ giới, làm phước, tu tuệ (3), thì với pháp thoại như thế này đây, có thể tin tưởng đúng với chân lý. Trưởng lão phải biết những người như vậy không chỉ gieo trồng gốc rễ điều lành nơi một đức Phật, nơi hai đức Phật, nơi ba bốn năm đức Phật mà thôi, mà đã gieo trồng gốc rễ điều lành ở nơi vô số ngàn vạn đức Phật. Những người như vậy mà được nghe đến pháp thoại thế này thì dầu đến nỗi chỉ một ý niệm tin tưởng trong sáng, Như lai cũng vẫn biết và thấy rõ (4) họ thực hiện được vô lượng phước đức. Tại sao như vậy, vì những người này không còn có nữa ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả, không còn có nữa ý tưởng về pháp và về phi pháp (5). Nếu những người này còn có ý tưởng chúng sinh thọ giả, còn ý tưởng pháp là còn ngã nhân, chúng sinh thọ giả, còn tưởng phi pháp là còn ngã nhân chúng sinh thọ giả. Vì lý do ấy, đừng nắm lấy pháp, lại càng đừng nên nắm lấy phi pháp. Do ý nghĩa này Như lai thường nói, các vị Tỷ kheo hãy nhận thức rằng pháp Như lai nói tựa như chiếc bè : pháp còn phải bỏ, huống chi phi pháp (6) ?

Ghi chú.-

(1) Pháp thoại.- Chính văn là ngôn thuyết chương cú, nói nôm na là bài thuyết pháp, hội thoại về pháp. Pháp thoại ở đây chỉ kinh Kim cương này, nhưng xác hơn thì là pháp thoại vừa nói đoạn trên.

(2) Năm trăm năm sau.- có ba chỗ nói đến là các đoạn 8, 21, 28. Đối chiếu ba chỗ ấy của Td, lại đối chiếu Td với các bản khác, thì biết các bản khác có ý nói 500 năm sau là 500 năm thứ 5 của 5 lần 500 năm sau Phật nhập diệt ; còn Td thì hai chỗ sau có thể cũng là ý này, nhưng ở đây và chỗ khác như Đại trí độ luận, thì 500 năm sau có ý chỉ cho hậu bán thiên kỷ thứ nhất sau khi Phật nhập diệt, tức 500 năm thứ 2 trong 5 lần 500 năm. Ý này cũng không cốt nói chánh pháp tượng pháp gì, mà thật sự là thì gian các bộ phái tiểu thừa rộn ràng đến nỗi rõ ràng là đấu tranh kiên cố.

(3) Có ai giữ giới, làm phước, tu tuệ.- Chính văn Td chỉ có giữ giới và làm phước. Tu tuệ là căn cứ các bản khác mà bổ túc. Td tại sao không có tu tuệ thì không biết được, chỉ biết nói giữ giới, làm phước và tu tuệ mới tin nổi Kim cương là nói thông thường, còn chỉ nói giữ giới, làm phước, là có ý nói những sự này sẽ phát tuệ, có khi phát đột ngột, thần kỳ nữa : điều này thì đáng quan tâm.

(4) Như lai cũng vẫn biết và thấy rõ.- Được biết nói rõ là Như lai đem tuệ giác của Như lai mà biết rõ, Như lai đem mắt Phật của Như lai mà thấy rõ. Phước đức Kim cương phi con mắt và tuệ giác của Phật thì không dễ thấy ra và biết hết.

(5) Tại sao như vậy đến và về phi pháp.- Đoạn này Td như vậy là chỉ có 3 : ngã, pháp, phi pháp. Các bản khác dịch 5, thêm tướng, phi tướng. Có thể Td cho hai thứ này cũng là pháp và phi pháp nên lược bỏ - Như thế xét ra có lý hơn về văn cũng như ý. Nghĩa của ba thứ ngã, pháp, phi pháp, coi ghi chú 6 dưới đây. “Nếu những người này” đến “huống chi phi pháp”.- Chiếc bè để từ bờ nguy hiểm bên này vượt qua bờ an toàn bên kia. Pháp của Phật dạy là như chiếc bè ấy. Bờ bên này là sinh tử, bờ bên kia là niết bàn. Dòng sông là ác pháp phiền não. Qua bên kia rồi bỏ bè mới lên bờ được - trừ ra sau đó dùng bè ấy trở lại đưa người khác cùng qua với. Pháp là thiện pháp của Phật dạy, đối lại, phi pháp là ác pháp mà thiện pháp đối trị. Phi pháp tệ hơn pháp. Như vậy pháp và phi pháp trong ba thứ (hay

năm thứ) trên, cắt nghĩa cao và hay đến mấy mà không ăn khớp với từ và ý của ví dụ thì vẫn thấy khó thông. Nay tạm lấy ý của bồ tát Công đức thi (Chính 25/889) và đại sư Tăng triệu (Vạn 38/200B) mà cắt nghĩa như sau, khá thấp và dễ. Ngã là ngã chấp (gồm cả nhân, chúng sinh và thọ giả của ngã chấp ấy). Pháp là chấp có (gồm cả thường kiến của ngoại đạo và pháp số 5 uẩn của tiểu thừa). Phi pháp là chấp không (gồm cả đoạn kiến của ngoại đạo và ác thủ không của đại thừa). Cả ba ý tưởng này toàn là ngã mà biến thể (nên chính vẫn nói còn ý tưởng, còn ý tưởng pháp, còn ý tưởng phi pháp, thì toàn là còn ngã nhân chúng sinh thọ giả). Vậy ý tưởng là phi pháp, bát nhã là pháp, pháp này đối trị phi pháp kia, khi phi pháp kia hết rồi thì pháp này cũng hết.

Lược giải.-

Còn ý tưởng là còn ngã, còn ngã thì khẳng định thế nào cũng là ngã biến thể, phủ định đến mấy vẫn là ngã biến thể. Tin bát nhã là nhận thức và đã bắt đầu không còn như vậy. Không còn như vậy thì phước đức làm ra mới gọi là thiện pháp (đoạn 38).

Phân khoa.-

Cương 2.- như thật tri kiến về Pháp

có 2 bát : bát 1 như thật tri kiến về Pháp, bát 2 phước đức của pháp thoại.

Bát 1.- như thật tri kiến về Pháp

Chính văn.-

9. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, phải chăng Như lai được vô thượng giác (1) ? phải chăng Như lai có sự thuyết pháp (2) ? Trưởng lão thưa rằng kính bạch Thế tôn, theo con hiểu biết ý của Ngài nói, thì không thể có một pháp khẳng định để được mệnh danh là vô thượng giác, cũng không thể có một pháp khẳng định để được gọi là Thế tôn thuyết pháp. Tại sao như vậy, vì Pháp (3) Ngài nói không thể nắm lấy không thể diễn tả, không phải là pháp, không phải phi pháp (4) lý do là vì hết thầy hiền thánh (5) toàn do Vô vi biểu hiện khác biệt (6).

Ghi chú.-

(1) Vô thượng giác.- là gọi tắt từ ngữ vô thượng chánh đẳng giác (a nậu đa la tam miệu tam bồ đề).

(2) Phải chăng Như lai được vô thượng giác ? phải chăng Như lai có sự thuyết pháp ?.- hai câu hỏi này cho thấy Phật pháp (hay Pháp) có hai : một, Phật pháp là pháp của Phật chứng, tức những công đức mà Phật thực hiện : là tuệ giác vô thượng, và Như của tuệ giác ấy chứng ngộ ; là thuộc tính của tuệ giác ấy, như 10 lục, 18 bất cộng, v/v. Hai, Phật pháp là pháp của Phật nói, tức những giáo lý mà Phật khai thị, những tiếng nói diễn đạt pháp của Phật chứng.

(3) Pháp.- Pháp ở đây là Như (Vô vi). Coi ghi chú 2 ở trên (điều một) và ghi chú 6 ở dưới.

(4) Không phải là pháp, không phải phi pháp.- Không phải những khái niệm khẳng định hay phủ định theo sự chấp trước

(5) Hiền thánh.- là mượn thành ngữ của Trung hoa mà dịch. Dịch rõ có lẽ nên nói là các vị giải thoát (chưa toàn và hoàn toàn).

(6) Toàn do Vô vi biểu hiện khác nhau.- Biểu hiện là chữ của Hd và các bản khác. Vô vi Chd là Vô vi chân như, do đó biết Vô vi ở đây là Như (coi ghi chú 1 của đoạn 30). Tùy sự hội nhập Chân như vô vi chưa toàn hay đã toàn mà biểu hiện các địa vị giải thoát chưa toàn hay đã toàn.

Lược giải.-

Cũng như Phật, Pháp của Phật chứng và thuyết, và cả hiền thánh, những vị tu học Pháp ấy, toàn là biểu hiện của Như, siêu việt nhận thức, diễn đạt, và đối tượng của nhận thức, diễn đạt : hãy như thật tri kiến về Pháp.

Phân khoa.-

Bát 2.- phước đức của Pháp thoại (đoạn 10)

Chính văn.-

10. 1 Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, có ai đem cho (1) đủ hết bảy loại vàng ngọc chất đầy đại thiên thế giới (2), thì người cho ấy được phước nhiều không ? rất nhiều, bạch Ngài ; vì phước đức ấy Ngài đã nói là tính phi phước đức (3), thế nên Ngài nói phước đức rất nhiều. Trưởng lão Thiện hiện, nhưng nếu có ai từ pháp thoại này tiếp nhận ghi nhớ dẫu là chỉ được chỉnh cú bốn câu (4), và biết đem nói cho bao người khác, thì phước người ấy vẫn hơn người trước. Tại sao như vậy, vì lẽ, trưởng lão, hết thầy Phật đà cùng với Phật pháp (5) – Pháp vô thượng giác của các Phật đà – toàn là xuất ra từ pháp thoại (6) này. Trưởng lão Thiện hiện, gọi là Phật pháp (7) thì Như lai nói là phi Phật pháp, thế nên Như lai nói là Phật pháp (8).

Ghi chú.-

(1) Chỉ Cd và Ecd thêm : hiển cúng các đức Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri. Nhưng không thêm như vậy thì hơn.

(2) Đại thiên thế giới.- Gọi đủ là tam thiên đại thiên thế giới : thế giới hệ gồm một tỷ thế giới, Ecd nói tương đương thiên hà.

(3) Tính phi phước đức.- Chính văn là phi phước đức tính. Chữ tính ở đây là chữ duy nhất đi với chữ Phi. Tra xét thì Td quả có, không phải sau này thêm vào. Nhưng các bản khác không có. Như vậy có lẽ nên hiểu Td đặt chữ tính ở đây để nhắc ta nhớ đến Như, dẫu rằng chữ Phi (siêu việt) đã là nói đến Như.

(4) Chỉnh cú bốn câu.- Chính văn là tứ cú kệ, chỉ cho đơn vị trong lối tính chữ xưa của kinh sách Phật giáo Ấn, cứ 32 chữ, bất cứ bắt đầu từ đâu, là một kệ 4 câu, mỗi câu 8 chữ. Nói chỉnh cú bốn câu cũng như nói một đoạn có ý nghĩa chính yếu của pháp thoại.

(5) Phật pháp.- Coi ghi chú 7 dưới đây.

(6) Pháp thoại.- Ở đây vừa chỉ đoạn kinh này vừa chỉ bản kinh này, nhưng chỉ bản kinh này nhiều hơn.

(7) Phật pháp.- Coi ghi chú 2 (điều một) của đoạn 9 ở trên.

(8) Thế nên Như lai nói là Phật pháp.- Câu này Td không có, Bd cũng vậy, nhưng các bản còn lại đều có, nên phải bổ túc. Xét có thì đúng hơn.

Lược giải.-

Phước đức học, nhớ, tụng và giảng Kim cương mà Phật nói là nhiều, vì phước đức ấy siêu việt phước đức : vì phước đức ấy là Như. Nhưng điều này chỉ nói phía người học, nhớ, tụng và giảng, lý do nhiều còn vì Kim cương là mẹ sinh ra của Phật và tuệ giác của Phật.

Phân khoa.-

Cương 3.- như thật tri kiến về Tăng

có 3 bát : bát 1 như thật tri kiến về Thanh văn, bát 2 như thật tri kiến về Bồ tát, bát 3 phước đức của pháp thoại.

Bát 1.- như thật tri kiến về Thanh văn (đoạn 11)

Chính văn.-

11. 11. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, vị Tu đà hoàn có ý nghĩ rằng ta được đạo quả Tu đà hoàn chăng ? Trưởng lão thưa Ngài, không, bạch Thế tôn ; tại sao như vậy, vì Tu đà hoàn là Vào dòng nước (1), thế nhưng thật ra không có cái gì nhập vào đâu cả : không nhập sắc thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên được mệnh danh là Tu đà hoàn (2). Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, vị Tư đà hàm có ý nghĩ rằng ta được đạo quả Tư đà hàm chăng ? Trưởng lão thưa Ngài, không, bạch Thế tôn ; tại sao như vậy, vì Tư đà hàm là Một trở lại (3), thế nhưng thật ra không có cái gì một lần trở lại, nên được mệnh danh là Tư đà hàm. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, vị A na hàm có ý nghĩ rằng ta được đạo quả A na hàm chăng ? Trưởng lão thưa Ngài, không, bạch Thế tôn ; tại sao như vậy, vì A na hàm là Không trở lại (4), thế nhưng thật ra không có cái gì không còn trở lại, nên được mệnh danh là A na hàm. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, vị A la hán có ý nghĩ rằng ta được đạo quả A la hán chăng ? Trưởng lão thưa Ngài, không, bạch Thế tôn ; tại sao như vậy, vì lẽ thật ra không có cái gì là A la hán, nên được mệnh danh là A la hán (5). Kính bạch Thế tôn, nếu vị La hán nghĩ rằng mình được đạo quả La hán, thì như thế là chấp trước ngã nhân, chấp trước chúng sinh, chấp trước thọ giả (6). Bạch Ngài, Ngài nói trong số những người được định Không cãi (7), con là hơn hết, con là La hán ly dục bậc nhất ; nhưng con không có ý nghĩ mình là một vị La hán ly dục bậc nhất. Nếu con còn nghĩ mình là La hán, thì Ngài không nói Thiện hiện là người thích thú làm theo chánh định Không cãi (8) ; vì con không còn làm theo gì cả, nên Ngài nói con theo định Không cãi.

Ghi chú.-

(1) Vào dòng nước.- Là nghĩa của chữ dự lưu hay nhập lưu : ngược với dòng đời mà nhập vào dòng giải thoát.

(2) Trừ Td, Bd và Chd, các bản còn lại, sau câu này còn thêm : Nếu Tư đà hoàn nghĩ rằng ta được đạo quả Tu đà hoàn, thì thế là chấp ngã nhân chúng sinh thọ giả. Thêm như vậy thật cần thiết và chính xác. Câu này còn phải có sau ba đạo quả kế tiếp. Td chỉ có sau đạo quả La hán, như vậy có lẽ biểu thị ba đạo quả trước không có là dịch lược đi.

(3) Một trở lại.- là nghĩa của chữ nhất lai : một lần nữa trở lại nhân gian và lục dục thiên.

(4) Không trở lại.- là nghĩa của chữ bất lai hay bất hoàn : không còn như nhất lai.

(5) Nên được mệnh danh là A la hán.- là lấy Hd mà bỏ túc.

(6) Nếu vị La hán đến chấp trước thọ giả.- Là nói La hán tự mãn tự đắc thì thế chính là ngã chấp. Câu này phải có nơi ba đạo quả trước và cùng nghĩa.

(7) Định không cãi.- Một phép định có đặc tính an bình, không xung đột.

(8) Làm theo chánh định không cãi.- Làm theo, chính văn là hành, cũng có thể dịch đi theo. Có bản dịch trú : ở trong, cùng nghĩa. Nhưng ở trong hay đi theo, làm theo gì cũng có nghĩa là sống trong, sống theo.

Lược giải.-

Nghĩa của câu .hết thủy hiền thánh toàn do Vô vi biểu hiện khác biệt. (đoạn 9) càng phải được nói ở đây, khi như thật tri kiến về bốn đạo quả Thanh văn : bốn đạo quả ấy cũng là Phi, là biểu hiện của Như. Là ở đây có nghĩa phải là. Vì nếu các vị Thanh văn, trong đó đặc biệt La hán, còn nghĩ mình chứng quả nào hay được pháp gì, thì ý nghĩ ấy chính là ngã chấp.

Phân khoa.-

Bát 2.- như thật tri kiến về Bồ tát

có 3 nhã : nhã 1 như thật tri kiến về Bồ tát hạnh quả của Phật, nhã 2 như thật tri kiến về Bồ tát hạnh, nhã 3 như thật tri kiến về Bồ tát quả.

Nhã 1.- như thật tri kiến về Bồ tát hạnh quả của Phật (đoạn 12)

Chính văn.-

12. 1 Đức Thế tôn bảo trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, Như lai xưa kia nơi đức Nhiên đăng, được pháp gì chẳng ? Không, bạch Thế tôn ; nơi đức Nhiên đăng, thực sự Thế tôn không được pháp gì.

Lược giải.-

Như thật tri kiến về Bồ tát hạnh quả của Phật bằng cách nhìn lại một mẫu của hạnh quả ấy, ấy là lúc Ngài gặp đức Nhiên đăng. Việc này sẽ nói rõ hơn đoạn 30.

Phân khoa.-

Nhã 2.- như thật tri kiến về Bồ tát hạnh (đoạn 13)

Chính văn.-

13. 1 Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, phải chăng Bồ tát trang hoàng cõi Phật (1) ? Không, bạch Thế tôn ; lý do là vì trang hoàng cõi Phật, sự trang hoàng ấy Thế tôn đã nói là phi trang hoàng, thế nên Ngài nói đó là trang hoàng. Do vậy, trưởng lão, Bồ tát đại sĩ hãy sinh cái tâm trong sạch như vậy : không ở nơi sắc mà sinh tâm ra, không ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà sinh tâm ra (2) ; hãy đừng ở vào bất cứ chỗ nào mà sinh tâm ra (3).

Ghi chú.-

(1) Trang hoàng cõi Phật.- Cõi Phật, chính văn là Phật độ, gồm một hay nhiều đại thiên thế giới làm một cõi mà một đức Phật làm hóa chủ. Cõi Phật như vậy, trong nghĩa hóa thân hóa độ thì không nhất thiết phải là tịnh độ như Cực lạc hay uế độ như Sa bà, mà là hoàn toàn tùy bản nguyện của đức Phật hóa chủ ; nhưng trong nghĩa báo thân báo độ thì tất cả đều là tịnh độ, và tịnh độ Sa bà thì coi Pháp hoa các phẩm 11 và 16. Còn trang hoàng cõi Phật là Bồ tát hạnh. Nói tổng quát, Bồ tát hạnh là tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sinh : làm sạch thế giới, làm nên chúng sinh.

(2) Riêng Hd ở đây có thêm và tóm tắt như sau : không ở nơi lục trần, không ở nơi phi lục trần.

(3) Tương truyền lục tổ Huệ năng nghe ngũ tổ Hoàng nhẩn giảng đến câu này thì đốn ngộ, thốt lên năm tiếng không ngờ nổi tiếng (coi dẫn nhập điều 1), tỏ ra hiểu Kim cương một cách xứng đáng là đốn ngộ của một vị tổ sư.

Lược giải.-

Bồ tát hạnh là vô trú bát nhã hoạt hiện mọi việc làm sạch thế giới và làm nên chúng sinh. Hãy như thật tri kiến như vậy về Bồ tát hạnh.

Phân khoa.-

Nhã 3.- như thật tri kiến về Bồ tát quả (đoạn 14)

Chính văn.-

14. 1 Trưởng lão Thiện hiện, ví dụ có người thân thể cao lớn như núi Tu di, ông nghĩ thế nào, thân ấy lớn không ? rất lớn, bạch Ngài ; tại sao, bởi vì Ngài nói thân lớn là phi thân lớn, thế nên Ngài nói đó là thân lớn (1).

Ghi chú.-

(1) Tại sao, bởi vì đến đó là thân lớn.- Đoạn này Td lược mà độc đáo. Hd như sau, cũng rõ : tại sao, vì thân lớn thì Ngài nói thân lớn ấy là phi thân lớn ; (vì là phi thân lớn) nên gọi là thân lớn, chứ không phải vì là thân lớn mà gọi là thân lớn.

Lược giải.-

Bồ tát quả là gì ? Là chủ đích mà Bồ tát hạnh nhắm đến. Chủ đích ấy là Như, là Phật thân. Trong ngôn ngữ Kim cương, thân chúng sinh cũng là phi thân, là tự siêu việt, là Như. Đoạn 14 này giả dụ có cái thân lớn, và vì thân lớn là phi thân (là Như) mà gọi là thân lớn, chứ không phải vì thân lớn mà gọi là thân lớn. Như vậy thân nhỏ cũng là phi thân (cũng là Như) : cũng là thân lớn, cũng là Phật thân. Tăng triệu đại sư giải thích đoạn này chỉ có mấy chữ (Vạn 38/79), tôi viết lại giản dị như sau : biết thân này là phi thân thì thân này là Phật thân.

Phân khoa.-

Bát 3.- phước đức của pháp thoại (đoạn 15)

Chính văn.-

15. 1 Trưởng lão Thiện hiện, giả thiết sông Hằng có bao nhiêu cát, thì mỗi hạt cát, là một sông Hằng, ông nghĩ thế nào, số cát tất cả sông Hằng như vậy nhiều hay không nhiều ? rất nhiều, bạch Ngài ; số lượng sông Hằng đã là vô số, huống chi số cát những sông Hằng ấy. Trưởng lão Thiện hiện, với lời nói thật, Như lai hôm nay nói với trưởng lão : giả sử thiện nam hay thiện nữ nào đem hết bảy loại vàng ngọc chất đầy thế giới đại thiên nhiều như số cát những sông Hằng ấy mà làm bố thí (1), thì phước họ được là nhiều hay ít ? Trưởng lão kính thưa, rất nhiều, bạch Ngài. Trưởng lão Thiện hiện, nếu có thiện nam hay thiện nữ khác với pháp thoại (2) này, tiếp nhận ghi nhớ đầu chỉ bốn câu (3), và biết đem nói cho bao người khác (4), thì phước người này hơn phước người trước. Thêm nữa, trưởng lão, chỗ nào giảng dạy pháp thoại như vậy, dầu chỉ bốn câu, trưởng lão cũng phải nhận thức chỗ ấy, tất cả thế giới chư thiên nhân loại và a tu la đều nên hiến cúng chùa tháp Như lai. Huống chi có người tiếp nhận ghi nhớ, đọc xét văn nghĩa, tụng được thuộc lòng, giảng nói cho người (5) trọn pháp thoại này ; trưởng lão phải biết người ấy đạt được cái pháp tối thượng hiếm có bậc nhất, và những địa điểm người ấy giảng dạy pháp thoại như vậy (6) là có Như lai hay có các vị đệ tử cao trọng.

Ghi chú.-

(1) Trừ Chd và Td, các bản khác thêm vào câu này như sau : mà phụng hiến Phật. Nhưng không thêm thì đúng hơn.

(2) Đoạn 15 này có bốn chữ pháp thoại, đều có nghĩa như ghi chú 6 của đoạn 10.

(3) Bốn câu.- là nói tắt câu chỉnh cú 4 câu. Các đoạn sau đây, chỗ nào có chữ ấy thì cũng đồng nghĩa.

(4) Dem nói cho bao người khác.- Dem nói là giới thiệu, loan báo và giảng dạy.

(5) Giảng nói cho người.- Td thiếu câu này, đối chiếu phần trên thì thấy. Nên phải lấy Chd, Cd và Hd mà bổ túc. Nghĩa : coi ghi chú 4 ở trên.

(6) Và những địa điểm người ấy giảng dạy pháp thoại như vậy.- Dịch sát chính văn là : những địa điểm có bản kinh này. Dịch sát như vậy không ăn khớp lắm với văn ý ở trên.

Phân khoa.-

Kim 2.- như thật tri kiến về tuệ giác

có 2 cương : cương 1 như thật tri kiến về tuệ giác, cương 2 như thật tri kiến về sự tin của tuệ giác ấy.

Cương 1.- như thật tri kiến về tuệ giác

có 4 bát : bát 1 như thật tri kiến về bản thân của tuệ giác, bát 2 như thật tri kiến về đức tin của tuệ giác, bát 3 như thật tri kiến về chi tiết của tuệ giác, bát 4 phước đức của pháp thoại.

Bát 1.- như thật tri kiến về bản thân của tuệ giác

có 4 nhã : nhã 1 như thật tri kiến về bản thân của tuệ giác, nhã 2 như thật tri kiến về tuệ giác Phật dạy, nhã 3 như thật tri kiến về cái thân Phật dùng để dạy tuệ giác ấy, nhã 4 phước đức của pháp thoại.

Nhã 1.- như thật tri kiến về bản thân của tuệ giác (đoạn 16)

Chính văn.-

16. 1 Vào lúc bấy giờ trưởng lão Thiện hiện bạch đức Thế tôn, pháp thoại (1) như vậy nên gọi tên gì ? chúng con cần phải ghi nhớ thế nào ? Đức Thế tôn dạy, trưởng lão Thiện hiện, pháp thoại như vậy nên gọi tên là Kim cương bát nhã ba la mật đa (2), trưởng lão hãy nhớ pháp thoại như vậy qua danh hiệu ấy. Tại sao như vậy, trưởng lão Thiện hiện, bởi vì bát nhã ba la mật đa thì Như lai nói là phi bát nhã ba la mật đa, thế nên Như lai nói là bát nhã ba la mật đa (3).

Ghi chú.-

(1) Pháp thoại.- Trong đoạn này, những chữ này chỉ cho bản kinh này mặc dầu bản kinh này chưa phải kết thúc ở đây.

(2) Kim cương bát nhã ba la mật đa.- tên kinh này được nói trong đoạn này thì Chd, Cd, Nd và Ecd không có chữ Kim cương. Td Kim cương bát nhã ba la mật đa, Hd Năng đoạn Kim cương bát nhã ba la mật đa. Nghĩa : coi Dẫn nhập điều 7 mục a.

(3) Thế nên Như lai nói là bát nhã ba la mật đa.- là lấy Hd và Cd mà bổ túc.

Lược giải.-

Đoạn này không phải kết thúc như thường lệ các kinh khác. Đoạn này Phật đặt tên kinh là Bát nhã ba la mật đa (trí độ) để dạy cho ngài Tu bồ đề như thật tri kiến về bản thân của bát nhã ấy ; Bát nhã mà gọi là Bát nhã là vì phi Bát nhã : vì tự siêu việt chính nó, vì là Như.

Phân khoa.-

Nhã 2.- như thật tri kiến về tuệ giác Phật dạy (đoạn 17-18)

Chính văn.-

17. 1 Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, Như lai có sự thuyết pháp hay không ? Trưởng lão thưa Ngài, không, bạch Thế tôn, Thế tôn không có thuyết pháp gì cả. 18. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, thế giới đại thiên có bao vi trần (1), số lượng nhiều không ? rất nhiều, bạch Ngài. Trưởng lão Thiện hiện, những vi trần ấy, Như lai nói chúng là phi vi trần, thế nên Như lai nói là vi trần. Và bao thế giới (2), Như lai cũng nói những thế giới ấy là phi thế giới, thế nên Như lai nói là thế giới.

Ghi chú đoạn 18.-

(1) Vi trần.- Nghĩa đen là bụi nhỏ. Cũng gọi là cực vi : phân tử nhỏ nhất. Trong lý thuyết vài học phái cổ của Ấn cho vi trần là phân tử tối sơ của cấu trúc vũ trụ. Xa hơn chút nữa, sau đó có học phái cho vi trần không chỉ thuần là vật lý mà còn là phân tử tối sơ của cấu trúc tâm lý. Các bộ phái Phật giáo tiểu thừa cũng có kể gần như có tư tưởng ấy. Nhưng đại thừa thì cho vi trần không là tối sơ hay tối hậu gì hết, mà chỉ là sự phân tích tưởng tượng rằng đó là phân tử vật lý nhỏ nhất trong cấu trúc vũ trụ.

(2) Thế giới.- Thế là thì gian, giới là không gian, đó là định nghĩa của Lăng nghiêm. Nên thế giới là vũ trụ. Lược giải đoạn 17-18.- Đoạn 17 nói tắt đoạn 9 ở trước và đoạn 36 ở sau. Nhưng lời nói như nhau mà ý không đồng. Đoạn 17 này cốt nói tuệ giác bát nhã biết Pháp của Phật thuyết là phi Pháp. Và cái biết, như cái được biết của nó, cũng là phi biết. Đoạn 18 cho thấy, cái biết biết Phật thuyết và Pháp của Phật thuyết là như vậy, và cũng là như vậy mà biết về phân tử và vũ trụ của phân tử : biết cái cấu trúc khổng lồ đè nặng tâm thức con người ấy cũng chỉ là Phi. Hãy như thật tri kiến như vậy về bát nhã Phật dạy.

Phân khoa.-

Nhã 3.- như thật tri kiến về cái thân Phật dùng để dạy tuệ giác ấy (đoạn 19)

Chính văn.-

19. 1 Trưởng lão Thiện hiện trong ý của ông, ông nghĩ thế nào, có thể hay không nhìn thấy Như lai bằng ba mươi hai đặc tướng siêu nhân (1) ? Không, bạch Thế tôn ; tại sao như vậy, vì các đặc tướng thì Thế tôn nói là phi đặc tướng, thế nên Thế tôn nói là đặc tướng.

Ghi chú.-

(1) 32 đặc tướng siêu nhân.- Coi lại đoạn 7, ghi chú 1.

Lược giải.-

Cái thân mà Phật dùng để thuyết bát nhã ở đây là thân trượng lặc, thân 32 tướng tốt. Nhưng thân ấy là phi thân, là Như. Như vậy nếu thấy 32 tướng là Như thì thế là thấy Phật bằng 32 tướng. Bát nhã thấy là như vậy, và chính cái thấy ấy đã là như vậy.

Phân khoa.-

Nhã 4.- phước đức của pháp thoại (đoạn 20)

Chính văn.-

20. Trưởng lão Thiện hiện, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào đem thân mạng mình bằng cát sông Hằng mà bố thí cả, và có người khác với pháp thoại này tiếp nhận ghi nhớ đầu chỉ bốn câu, và đem giảng nói cho bao người khác, thì phước người này quá nhiều hơn nữa.

Phân khoa.-

Bát 2.- như thật tri kiến về đức tin của tuệ giác (đoạn 21)

Chính văn.-

21. Vào lúc bấy giờ, trưởng lão Thiện hiện nghe pháp thoại này, lĩnh hội sâu xa, lòng đầy xúc cảm, rơi lụy mà khóc. Trưởng lão thưa rằng, thật quá hiếm có, kính bạch Thế tôn ; Ngài đã tuyên thuyết pháp thoại cực sâu. Từ khi có được con mắt tuệ giác cho đến ngày nay, con chưa nghe được pháp thoại như vầy Bạch Ngài, có ai nghe

pháp thoại này tin tưởng trong sáng và phát sinh được cái tuệ giác thật (1), thì biết người ấy đạt được công đức hiếm có bậc nhất. Kính bạch Thế tôn, tuệ giác thật ấy thì Ngài nói là phi tuệ giác thật, thế nên Ngài nói là tuệ giác thật (2). Kính bạch Thế tôn, hôm nay con được nghe pháp thoại này, tin tưởng lĩnh hội, tiếp nhận ghi nhớ, thì không khó mấy. Nhưng nếu tương lai, năm trăm năm sau người nào nghe được pháp thoại như vầy, tin tưởng, lĩnh hội, tiếp nhận, ghi nhớ, mới hiếm có nhất. Tại sao như vậy, bởi vì người ấy thì không còn có ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả - Ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả là phi ý tưởng : phi mọi ý tưởng thì thế gọi là chư Phật như lai (3). Đức Thế tôn dạy trưởng lão Thiện hiện, thật đúng như vậy : nếu có người này được nghe pháp thoại Bát nhã như vầy mà không kinh ngạc, cũng không sợ hãi, thì biết người ấy cực kỳ hiếm có. Tại sao, trưởng lão, bởi vì Bát nhã chính là tối thượng ba la mật đa (4), và Như lai nói cái pháp tối thượng ba la mật đa là phi tối thượng ba la mật đa, thế nên Như lai nói là tối thượng ba la mật đa.

Ghi chú.-

(1) Tuệ giác thật.- Chính văn là thật tướng, Hđ dịch chân thật tướng, có nghĩa là tuệ giác chính xác. Chữ này thích hợp ở đây.

(2) Chính văn của từ ngữ này vẫn là thật tướng. Coi ghi chú 1 ở trên.

(3) Phi mọi ý tưởng, thì thế gọi là chư Phật như lai.- Được biết Td câu này cũng chuyển mà dịch, và vì vậy mà rất độc đáo. Không chuyển thì như Hd : bởi vì chư Phật tách rời tất cả ý tưởng.

(4) Bởi vì Bát nhã chính là tối thượng ba la mật đa.- Bát nhã ba la mật đa : tuệ giác toàn hảo. Tối thượng ba la mật đa : tuyệt đối toàn hảo, một tên khác của Bát nhã. Câu trên đây là lấy các bản dịch khác mà bổ túc. Nhưng bổ túc thật đủ thì phải là : bởi vì Bát nhã chính là tối thượng ba la mật đa. Tối thượng ba la mật đa mà Như lai nói thì chư vị Như lai cũng nói là tối thượng ba la mật đa.

Lược giải.-

Đức tin của Bát nhã cũng như Bát nhã, đức tin mà bản thân của nó là chư Phật : siêu việt mọi ý tưởng.

Phân khoa.-

Bát 3.- như thật tri kiến về chi tiết của tuệ giác

có 2 nhã : nhã 1 như thật tri kiến về nhãn nhục, nhã 2 như thật tri kiến về bố thí.

Nhã 1.- như thật tri kiến về nhãn nhục (đoạn 22)

Chính văn.-

22. Trưởng lão Thiện hiện, cái pháp nhãn nhục ba la mật đa (1), Như lai cũng nói là phi nhãn nhục ba la mật đa, thế nên Như lai nói là nhãn nhục ba la mật đa (2). Tại sao trưởng lão, vì như xưa kia, trong khi Như lai bị Ca li vương cắt thịt khắp nơi tay chân Như lai, Như lai không có ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả. Nếu lúc bấy giờ Như lai còn có ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả thì phải sinh ra giận dữ oán hận. Trưởng lão Thiện hiện, Như lai lại nhớ trong thì quá khứ, có năm trăm đời Như lai đã làm tiên nhân Nhãn nhục. Vào lúc bấy giờ, Như lai cũng không ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả.

Ghi chú.-

(1) Nhãn nhục ba la mật đa.- Nghĩa là sự chịu đựng toàn hảo.

(2) Thế nên Như lai nói là nhãn nhục ba la mật đa.- là lấy Hđ mà bố túc.

Lược giải.-

Bồ tát hạnh có sáu sự toàn hảo gọi là lục độ. Căn bản của lục độ là trí độ (bát nhã), năm độ còn lại là chi tiết của căn bản ấy. Trong năm độ còn lại, liên hệ nhất với ngã chấp là thí độ và nhãn độ. Nhãn độ là xả bỏ tự ngã (bỏ thân), thí độ là xả bỏ ngã sở (bỏ của). Đoạn này Phật lấy tiền thân của mình để dạy hãy như thật tri kiến như thế nào về nhãn độ.

Phân khoa.-

Nhã 2.- như thật tri kiến về bố thí (đoạn 23)

Chính văn.-

23. Vì lý do ấy, trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát thì phải rời mọi ý tưởng mà phát huy tâm vô thượng bồ đề (1) ; đừng ở nơi sắc mà sinh tâm ra, đừng ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà sinh tâm ra (2). Hãy sinh cái tâm không ở đâu cả. Nếu tâm ở đâu thì chính như thế là phi trú ở (3). Vì lý do này, Như lai nói rằng Bồ tát thì phải không ở sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà làm bố thí. Trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát thì vì ích lợi chúng sinh một cách khắp cả mà hãy bố thí theo cách như vậy. Vì Như lai nói ý tưởng chúng sinh là phi ý tưởng (4), Như lai cũng nói hết thầy chúng sinh là phi chúng sinh (5). Trưởng lão Thiện hiện, Như lai là người nói phải, nói chắc, nói như sự thật, nói không lừa đảo, nói không mâu thuẫn. Trưởng lão Thiện hiện, Pháp mà Như lai đã chứng ngộ được, cái Pháp như vậy không phải chắc chắn, không phải trống rỗng (6). Trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát nếu tâm ở nơi mọi thứ mà làm bố thí, thì như một người vào trong bóng tối, không còn thấy được một thứ gì hết ; Bồ tát nếu tâm không ở mọi thứ mà làm bố thí, thì như một người đã có mắt sáng, lại có ánh sáng mặt trời soi rõ, nên thấy đủ cả.

Ghi chú.-

(1) Rời mọi ý tưởng mà phát huy tâm vô thượng bồ đề.- Nghĩa là phát huy tuệ giác tối thượng bằng cách tách rời mọi thứ khái niệm phản ảnh ngã chấp.

(2) Đừng ở nơi sắc đến mà sinh tâm ra.- Câu này có thể dịch tắt : đừng ở nơi lục trần mà sinh tâm ra.

Hd còn thêm : đừng ở nơi phi lục trần mà sinh tâm ra.

(3) Phi trú ở.- Chữ Phi ở đây là sự tự phủ nhận.

(4) Ý tưởng chúng sinh la phi ý tưởng.- ý tưởng chúng sinh, chính văn là tướng, chỉ có nghĩa là ý tưởng. Dịch ý tưởng chúng sinh là lấy các bản khác mà bổ túc. Ý tưởng chúng sinh là phi ý tưởng, chữ Phi ở đây, coi ghi chú 3 ở trên.

(5) Phi chúng sinh.- Chữ Phi ở đây vừa tự phủ nhận vừa tự siêu việt. Coi thêm lược giải của đoạn 37.

(6) Không phải chắn chắn, không phải trống rỗng.- Nói nô m na là không thật không dối, nói cách khác là không khẳng định không phủ định, nói tổng quát là siêu việt mọi phạm trù đối kháng nhau.

Lược giải.- Đoạn này dạy như thật tri kiến về thí độ : người cho, vật cho và người nhận, kể cả ý tưởng về ba thứ này, toàn là Phi : siêu việt mọi phạm trù có không. Trong phần đầu của đoạn này, từ vì lý do ấy đến vô thượng bồ đề là phi người cho, từ đừng ở nơi sắc đến mà làm bố thí là phi vật cho, từ trường lão Thiện hiện đến là phi chúng sinh là phi người nhận. Bố thí bằng vô trú bát nhã như vậy bổ túc hơn nữa cho đoạn 6 đã nói.

Phân khoa.-

Bát 4.- phước đức của pháp thoại

Chính văn.-

24. Trường lão Thiện hiện, trong thì vị lai, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào, đối với pháp thoại Bát nhã như vậy, tiếp nhận ghi nhớ, đọc xét văn nghĩa, tụng được thuộc lòng, nói cho người khác (1), thì thế là được Như lai sử dụng tuệ giác Như lai mà biết rất rõ, và thấy rất rõ (2), rằng người như vậy ai cũng đạt được vô lượng công đức.

Ghi chú.-

(1) Nói cho người khác.- là lấy các bản khác mà bổ túc.

(2) Và thấy rất rõ.- Đủ thì phải là : và Như lai sử dụng mắt Phật của Như lai mà thấy rất rõ.

Phân khoa.-

Cương 2.- như thật tri kiến về sự tin của tuệ giác ấy

có 4 bát : bát 1 như thật tri kiến về sự tin đặc biệt, bát 2 như thật tri kiến về địa điểm đặc biệt, bát 3 như thật tri kiến về phước đức đặc biệt.

Bát 1.- như thật tri kiến về sự tin đặc biệt (đoạn 25)

Chính văn.-

25. Trường lão Thiện hiện, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào buổi sáng đã đem hằng sa thân mạng mà bố thí cả, buổi trưa cũng đem hằng sa thân mạng mà bố thí nữa, buổi chiều lại đem hằng sa thân mạng mà bố thí luôn, và sự bố thí thân mạng như vậy làm đến trăm ngàn vạn ức thời kỳ (1) ; và có người khác nghe pháp thoại này, trong lòng tin tưởng chứ không đối kháng, thì phước người này hơn phước người trước, huống chi có người sao chép ấn hành, tiếp nhận ghi nhớ, đọc xét văn nghĩa, tụng được thuộc lòng, nói cho người khác. Trường lão Thiện hiện, chính yếu mà nói thì bài pháp thoại Bát nhã như vậy có những công đức ngoài tầm nghĩ bàn, ước lượng, đối

chiếu, siêu việt giới hạn ; Như lai nói cho những người đi theo giáo pháp đại thừa (2), nói cho những người đi theo giáo pháp đại thừa tối thượng (3). Ai có năng lực tiếp nhận ghi nhớ, đọc xét văn nghĩa, tụng được thuộc lòng, trình bày phong phú cho bao người khác, thì chính Như lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đạt được công đức không thể ước lượng, không thể đối chiếu, không có giới hạn, ngoài tầm nghĩ bàn. Những người như vậy có thể gánh vác tuệ giác vô thượng của ta, Như lai. Tại sao như thế, trưởng lão Thiện hiện, bởi vì những ai ưa pháp tiểu thừa (4), vẫn còn ngã nhân, chúng sinh thọ giả, thì với pháp này không thể lắng nghe, tiếp nhận ghi nhớ, đọc xét văn nghĩa, tụng được thuộc lòng, nói cho người khác.

Ghi chú.-

(1) Thời kỳ.- là dịch chữ kiếp. Kiếp là kiếp ba : thời kỳ dài. Thời kỳ này có ba loại : lớn, giữa, nhỏ.

(2) Đại thừa.- Cổ xe vĩ đại.

(3) Đại thừa tối thượng.- Chính văn là tối thượng thừa : cỗ xe trên hết.

(4) Những ai ưa pháp tiểu thừa.- là các vị Thanh văn.

Lược giải.-

Tiểu thừa Thanh văn còn ngã chấp là vì tự mãn với niết bàn tiểu thừa. Sự tự mãn ấy chính là ngã chấp không những theo bản năng mà cũng còn theo lý thuyết. Ngã chấp như vậy nên chữ Phi của Kim cương là “mũi dao tổn thương con tim của họ”. Do vậy, hãy như thật tri kiến về đức tin Bát nhã : tin nổi Bát nhã là theo nổi đại thừa.

Phân khoa.-

Bát 2.- như thật tri kiến về địa điểm đặc biệt (đoạn 26)

Chính văn.-

26. Trưởng lão Thiện hiện, bất cứ chỗ nào, hễ có bản kinh Kim cương bát nhã, thì cả thế giới chư thiên, nhân loại và a tu la, đều nên hiến cúng. Nên biết chỗ ấy chính là chùa tháp tôn thờ Như lai ; hãy lạy, đi nhiễu, tung rải các loại bông hoa, hương liệu.

Phân khoa.-

Bát 3.- như thật tri kiến về hiệu năng đặc biệt (đoạn 27)

Chính văn.-

27. Thêm nữa, trưởng lão, bất cứ thiện nam hay thiện nữ nào học hỏi ghi nhớ, nghiên cứu, tụng thuộc kinh Kim cương này mà bị khinh dễ, thì biết người ấy tội ác đời trước đáng sa chỗ dữ, nhưng vì đời này bị người khinh dễ thì tội ác đó tiêu tan hết cả, người ấy sẽ được tuệ giác vô thượng.

Lược giải.-

Hiệu năng Kim cương được nói như đoạn này thì thật rõ và gần như độc đáo. Phải là kinh như Kim cương mới có cái hiệu năng tiêu diệt ngay trong đời này những ác nghiệp đã thuần thực. Hãy như thật tri kiến như vậy để khỏi ngờ và sợ khi thấy đọc tụng Kim cương mà hay bị những sự bất như ý.

Phân khoa.-

Bát 4.- như thật tri kiến về phước đức đặc biệt (đoạn 28)

Chính văn.-

28. Trưởng lão Thiện hiện, Như lai nhớ lại quá khứ vô số thời kỳ vô số (1), trước khi Như lai gặp đức Nhiên đấng, thì đã gặp được tám trăm bốn ngàn vạn ức trăm triệu chư Phật như lai, đối với Ngài nào Như lai cũng đồng thừa sự hiến cúng chứ không bỏ qua. Nhưng nếu có ai ở trong thời kỳ cuối cùng sau này, mà có năng lực học hỏi, ghi nhớ, nghiên cứu tụng thuộc bản kinh Kim cương bát nhã này đây, thì bao công đức người ấy đạt được, công đức Như lai phụng sự chư Phật không bằng phần trăm, phần ngàn vạn ức, đến nỗi toán pháp và ví dụ nữa, cũng không bằng được một phần nào cả. Trưởng lão Thiện hiện, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào ở trong thời kỳ cuối cùng sau này, mà có khả năng tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, tụng thuộc bản kinh Kim cương bát nhã như vậy, bao nhiêu công đức mà họ đạt được, nếu Như lai nói một cách đầy đủ, thì tất có kẻ nghe mà nổi khùng, bối rối, hoài nghi, không thể tin được. Trưởng lão Thiện hiện, phải nhận thức rằng ý nghĩa Kim cương không thể nghĩ bàn, hiệu quả cũng vậy không thể nghĩ bàn.

Ghi chú.-

(1) Thời kỳ vô số.- là a tăng kỳ kiếp.

Lược giải.-

Phật đem chính phước đức của mình mà đề cao phước đức Kim cương : phước đức Kim cương siêu việt là vì ý nghĩa Kim cương siêu việt.

Phân khoa.-

Kim 3 : như thật tri kiến về chủ thể

có 2 cương, cương 1 như thật tri kiến về chủ thể, cương 2 như thật tri kiến về chủ thể mà loại bỏ tà kiến.

Cương 1, như thật tri kiến về chủ thể

có 3 bát : bát 1 như thật tri kiến chủ thể về nhân và quả của Bồ tát, bát 2 như thật tri kiến chủ thể về Phật quả của Bồ tát, bát 3 phước đức của pháp thoại.

Bát 1.- như thật tri kiến chủ thể về nhân và quả của Bồ tát

có 5 nhã, nhã 1 như thật tri kiến về chủ thể phát tâm vô thượng bồ đề, nhã 2 như thật tri kiến về chủ thể thực hiện vô thượng bồ đề, nhã 3 như thật tri kiến về Bồ tát hạnh thực hiện vô thượng bồ đề, nhã 4 như thật tri kiến về tuệ của vô thượng bồ đề, nhã 5 như thật tri kiến về phước của vô thượng bồ đề

Nhã 1.- như thật tri kiến về chủ thể phát tâm vô thượng bồ đề (đoạn 29)

Chính văn.-

29. Vào lúc bấy giờ, trưởng lão Thiện hiện kính bạch Thế tôn, thiện nam thiện nữ đã phát tâm nguyện vô thượng bồ đề, thì phải làm sao để ở tâm ấy ? và phải làm sao để sửa tâm mình ? Đức Thế tôn dạy, trưởng lão Thiện hiện, thiện nam thiện nữ phát tâm bồ đề, thì sửa tâm mình bằng tuệ giác này : ta phải làm cho hết thấy chúng sinh được niết bàn rồi mà thật không thấy một chúng sinh nào được niết bàn cả. Lý do là vì Bồ tát mà có ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả,

thì như thế là không phải Bồ tát. Tại sao như vậy, trưởng lão Thiện hiện, bởi vì thật ra không có pháp gì là người phát tâm vô thượng bồ đề.

Lược giải.-

Đoạn này vẫn tự gần như lặp lại đoạn 5, nhưng cốt ý nói bát nhã không thấy có mình là người phát tâm vô thượng bồ đề.

Phân khoa.-

Nhã 2.- như thật tri kiến về chủ thể thực hiện vô thượng bồ đề (đoạn 30)

Chính văn.-

30. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, nơi đức Nhiên đấng, phải chăng Như lai có một pháp gì gọi là đạt được vô thượng bồ đề ? Không, bạch Thế tôn ; theo chỗ con hiểu ý nghĩa đã được Thế tôn dạy cho thì khi Ngài ở nơi đức Nhiên đấng, không có pháp gì gọi là đạt được vô thượng bồ đề. Đức Thế tôn dạy, đúng vậy, Thiện hiện, đúng là không có pháp gì gọi là Như lai đạt được vô thượng bồ đề. Nếu có pháp gì gọi là Như lai đạt được tuệ giác vô thượng bồ đề, thì đức Nhiên đấng đã không ghi nhận, rằng trong tương lai ông thành Phật đà, danh hiệu gọi là Thích ca mâu ni ; vì thật không có pháp gì gọi là Như lai đạt được vô thượng bồ đề, nên đức Nhiên đấng mới ghi nhận cho, bằng cách nói rằng ông thành Phật đà danh hiệu gọi là Thích ca mâu ni - tại sao như vậy ? vì chữ Như lai chính là nghĩa Như của tất cả pháp (1). Nếu có ai nói Như lai đạt được vô thượng bồ đề, thì nói như vậy là không chính xác (2), bởi vì, trưởng lão, thật ra không có pháp gì gọi là Như lai đạt được vô thượng bồ đề, sự đạt được ấy không phải chắc chắn, không phải trống rỗng. Vì lý do này, Như lai tuyên ngôn rằng tất cả pháp toàn là Phật pháp. Trưởng lão Thiện hiện, tất cả pháp ấy Như lai đã nói phi tất cả pháp, nên Như lai nói là tất cả pháp.

Ghi chú.-

(1) Vì chữ Như lai chính là nghĩa Như của tất cả pháp.- Hd thêm : Như lai là dị danh của chân như chân thật, Như lai là dị danh của pháp tánh vô sinh, Như lai là dị danh của con đường vĩnh diệt, Như lai là dị danh của bất sinh tuyệt đối. Cd cũng thêm như vậy. Thêm như vậy rõ ràng là thêm thắt và rất kém cả văn lẫn ý. Như lai là nghĩa Như, dịch như vậy, và nguyên bản như vậy, thì văn và ý đều độc đáo. Như là Như thế. Như, nói đủ là Chân như : trung thực như thế. Mà Như Thế thì nghĩa là ở đâu, lúc nào, người nào, vật gì, cũng vốn như thế, toàn như thế, và vẫn như thế, chứ không khác đi vì phân biệt, khái niệm. Nói cách khác, Như Thế là các pháp tự siêu việt mọi sự sai khác. Như Thế là thực thể của Phật (cũng như của các pháp), Phật là biểu tượng của thực thể ấy, nên nói Như lai và Như.

(2) Thì nói như vậy là không chính xác.- là lấy Hd mà bổ túc.

Lược giải.-

Đoạn 30 này đã được nói lược ở đoạn 12, nhưng đoạn ấy cốt nói bát nhã không thấy có bồ tát hạnh quả của Phật, còn đoạn này cốt nói bát nhã không thấy có cái người thực hiện vô thượng bồ đề.

Phân khoa.-

Nhã 3.- như thật tri kiến về Bồ tát hạnh thực hiện vô thượng bồ đề (đoạn 31-32)

Chính văn.-

31. Trưởng lão Thiện hiện, ví như có người thân thể cao lớn. Trưởng lão Thiện hiện liền bạch Thế

tôn, thân cao lớn ấy thì Ngài đã nói phi thân cao lớn, thế nên Ngài nói là thân cao lớn. Trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát cũng vậy : Bồ tát mà nói ta phải làm cho vô số chúng sinh đều được niết bàn, thì không được gọi là vị Bồ tát ; trưởng lão Thiện hiện, bởi vì thật ra không có pháp gì gọi là Bồ tát. Vì thế Như lai nói tất cả pháp không phải ngã nhân chúng sinh thọ giả.

32. Trưởng lão Thiện hiện, nếu Bồ tát nói ta phải trang hoàng cõi Phật của ta, thì không được gọi là vị Bồ tát. Tại sao, trưởng lão, trang hoàng cõi Phật thì Như lai nói là phi trang hoàng, thế nên Như lai nói là trang hoàng. Trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát thấu triệt về sự vô ngã (1), Như lai mới nói vị ấy đích thực là vị Bồ tát.

Ghi chú.-

(1) Sự vô ngã.- Chính văn là vô ngã pháp. Tra cứu tất cả bản dịch, biết đích chính văn ấy có nghĩa cái pháp vô ngã, chứ không phải vô ngã vô pháp. Sự vô ngã ở đây là vô nhân ngã và vô pháp ngã, chứ không phải chỉ là vô ngã khác với vô pháp.

Lược giải đoạn 31-32.-

Cả hai đoạn này cốt nói bát nhã không thấy có cái người làm bồ tát hạnh : đoạn 31 nói sự làm nên chúng sinh, đoạn 32 nói sự làm sạch thế giới. Đoạn 31, văn phần đầu gần như lặp lại đoạn 14, nhưng đoạn 14 cốt nói Phật thân là phi Phật thân (thân lớn là phi thân lớn), còn đoạn 31 này nói Bồ tát là phi Bồ tát (thân lớn là phi thân lớn). Đoạn 32 cũng vậy, văn như đoạn 13 mà ý cốt không nói cái người làm sạch thế giới.

Phân khoa.-

Nhã 4.- như thật tri kiến về tuệ của vô thượng bồ đề (đoạn 33)

Chính văn.-

33. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, có đúng Như lai hiện có mắt thịt, mắt trời phải không ? Phải, bạch Thế tôn, Ngài có mắt thịt và có mắt trời. Có đúng Như lai hiện có mắt tuệ, mắt pháp phải không ? Phải, bạch Thế tôn, Ngài có mắt tuệ và có mắt pháp. Như lai hiện có mắt Phật phải không ? Phải, bạch Thế tôn, Ngài có mắt Phật. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, cát trong sông Hằng Như lai cũng nói là cát phải không ? Phải, Ngài nói cát. Ông nghĩ thế nào, có bao nhiêu cát trong một sông Hằng thì có sông Hằng bằng số cát ấy, và những cõi Phật bằng với số cát những sông Hằng này thì nhiều hay không ? Rất nhiều, bạch Ngài. Trưởng lão Thiện hiện, bao nhiêu tâm tưởng (1) tất cả chúng sinh trong những cõi Phật được nói như vậy, Như lai biết hết. Tại sao, trưởng lão, Như lai nói rằng bao tâm tưởng ấy là phi tâm tưởng, thế nên Như lai nói là tâm tưởng : Tâm tưởng quá khứ không thể nhận được, tâm tưởng hiện tại không thể nhận được, tâm tưởng vị lai không thể nhận được.

Ghi chú.-

(1) Tâm tưởng.- Hd rõ là tâm tưởng diễn biến (tâm lưu chú).

Lược giải.-

Về ngũ nhãn của Phật, Dẫn nhập điều 7 mục c đã nói sơ lược. Nay nói sơ lược hơn nữa, theo ngôn ngữ Kim cương. Thấy A (sở ngôn) là nhục nhãn và thiên nhãn. Thấy A là phi-A (tức phi) là tuệ nhãn. Vì A là phi-A nên nói là A (thị danh) là pháp nhãn. Phật nhãn viên mãn và siêu việt tất cả. Ngũ nhãn như vậy nên biết bình thường như các Phật cũng thấy biết, thấy biết cái biến hóa và siêu tốc nhất như tâm lý

Phật càng thấy biết – thấy biết tận cùng số lượng, thực chất.

Phân khoa.-

Nhã 5.- như thật tri kiến về phước của vô thượng bồ đề (đoạn 34)

Chính văn.-

34. Trưởng lão Thiện hiện, giả sử có ai đem hết vàng ngọc đầy cõi đại thiên mà bố thí cả, người này vì thế được phước nhiều không ? Rất nhiều, bạch Ngài, người này vì thế được phước rất nhiều. Trưởng lão Thiện hiện, nếu phước có thật thì Như lai đã không nói phước nhiều, nhưng vì phước ấy thật là phi phước, thế nên Như lai nói là phước nhiều.

Lược giải.-

Phước của vô thượng bồ đề là thuận tánh mà tu hành và điều dụng. Tức như Khởi tín luận nói thuận theo sự không trú ở của chân như mà không trú ở sinh tử và niết bàn..., thuận theo chân như không tham lẫn mà bố thí...

Phân khoa.-

Bát 2.- như thật tri kiến chủ thể về Phật quả của Bồ tát

có 4 nhã, nhã 1 như thật tri kiến về Phật thân, nhã 2 như thật tri kiến về Phật thuyết, nhã 3 như thật tri kiến về Phật hóa, nhã 4 như thật tri kiến về Phật pháp.

Nhã 1.- như thật tri kiến về Phật thân (đoạn 35)

Chính văn.-

35. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, có thể hay không nhìn thấy Như lai bằng cái sắc thân toàn hảo đặc tướng ? Không, bạch Thế tôn, không nên nhìn Ngài bằng cái sắc thân toàn hảo đặc tướng. Tại sao như vậy, vì cái sắc thân toàn hảo đặc tướng thì Thế tôn nói là phi sắc thân toàn hảo đặc tướng, đó là lý do tại sao Thế tôn nói là sắc thân toàn hảo đặc tướng. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, có thể hay không nhìn thấy Như lai bằng các đặc tướng toàn hảo tất cả ? Không, bạch Thế tôn, không nên nhìn Ngài bằng các đặc tướng toàn hảo tất cả. Tại sao như vậy, vì các đặc tướng toàn hảo tất cả thì Thế tôn nói là phi đặc tướng toàn hảo tất cả, đó là lý do tại sao Thế tôn, nói là đặc tướng toàn hảo tất cả.

Lược giải.-

Đây là lần thứ 3 trong 5 lần, các đoạn 7, 19, 35, 41, 42) đã và còn nói về sự thấy Phật bằng tướng hảo. Nhưng 5 lần như vậy văn đồng mà ý khác. Ở đây, đoạn 35, là như thật tri kiến về cái chủ thể có cái thân đầy đủ tướng hảo và có tướng hảo đầy đủ.

Phân khoa.-

Nhã 2.- như thật tri kiến về Phật thuyết (đoạn 36)

Chính văn.-

36. Trưởng lão Thiện hiện, đừng nói Như lai có cái ý nghĩ Như lai thuyết pháp. Đừng nói như vậy. Lý do tại sao, vì nói Như lai có sự thuyết pháp thì thế chính là phủ báng Như lai. Nói thế tức là không khéo lĩnh hội ý nghĩa đã được Như lai tuyên thuyết. Trưởng lão Thiện hiện, gọi là thuyết

pháp là thật không có pháp gì để thuyết, như thế mới được gọi là thuyết pháp.

Lược giải.-

Thuyết pháp không những chỉ là thuyết rằng Pháp là Phi (Nhu) : là siêu việt ngôn thuyết, mà ngay cái người thuyết pháp cũng là Phi. Đó là như thật tri kiến về Phật thuyết pháp và Pháp của Phật thuyết.

Phân khoa.-

Nhã 3.- như thật tri kiến về Phật hóa (đoạn 37)

Chính văn.-

37. Lúc ấy Thiện hiện, người lấy tuệ giác mà làm tính mạng, kính bạch Thế tôn, có thể có ai trong thì vị lai nghe Pháp như vậy mà tin tưởng không ? Đức Thế tôn dạy, những người như vậy không phải chúng sinh hay không chúng sinh ; tại sao, trưởng lão, gọi là chúng sinh thì Như lai nói là phi chúng sinh, vì thế Như lai gọi là chúng sinh (1).

Ghi chú.-

(1) Được biết trọn đoạn này là lấy Bd mà bỏ túc, nguyên Td không có. Người làm việc này là ai thì không rõ. Các bản dịch khác sau Bd đều có đoạn này. Xét cả văn và ý thì thấy bỏ túc rất phải.

Lược giải.-

Người thuyết Pháp và Pháp được thuyết như thế nào thì người nghe Pháp cũng vậy. Người nghe Pháp không phải là chúng sinh (vì là Phi, là Nhu), dấu hiện không phải là không chúng sinh (vì chưa tự biết là Phi, là Nhu). Phật hóa là giáo hóa cho họ biết sự không tự biết ấy. Hãy như thật tri kiến như vậy về Phật hóa và người được Phật hóa.

Phân khoa.-

Nhã 4.- như thật tri kiến về Phật pháp (đoạn 38)

Chính văn.-

38. Trưởng lão Thiện hiện, kính bạch Thế tôn, Thế tôn đạt được vô thượng bồ đề, thật ra là sự phi đạt được chăng ? Đúng, đúng như vậy, trưởng lão Thiện hiện ; Như lai đối với vô thượng bồ đề không có chút gì gọi là đạt được nên được gọi là vô thượng bồ đề. Thêm nữa, trưởng lão, Pháp thì đồng đẳng, không bất đồng đẳng (1), thế nên gọi là vô thượng bồ đề : không có ngã nhân chúng sinh thọ giả mà làm pháp lành, thế thì đạt được vô thượng bồ đề. Trưởng lão Thiện hiện, gọi là pháp lành thì Như lai nói là phi pháp lành, thế nên Như lai gọi là pháp lành.

Ghi chú.-

(1) Pháp thì đồng đẳng, không bất đồng đẳng.- Chính văn là thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, dịch sát : Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp. Hd rõ hơn : Pháp ấy bình đẳng, không bất bình đẳng. Nghĩa : Pháp là Nhu, tự Nó không có gì là không Nhu, không có gì sai khác vì ngã chấp.

Lược giải.-

Pháp là pháp vô thượng bồ đề của Phật, là Phật pháp. Pháp ấy là Nhu, siêu việt mọi khái niệm mà độc chất là ngã chấp. Thiện pháp đạt đến Pháp ấy cũng là Như biểu hiện - là thuận tánh khởi dụng.

Phân khoa.-

Bát 3.- phước đức của pháp thoại (đoạn 39)

Chính văn.-

39. Trưởng lão Thiện hiện, có người đem cho bảy loại vàng ngọc chất đồng bằng với những núi Tu di trong cõi đại thiên, và có người khác tiếp nhận ghi nhớ đầu chỉ bốn câu bản kinh Bát nhã ba la mật này, và nói cho người, thì phước người trước không bằng phần trăm, phần ngàn vạn ức, toán pháp, ví dụ, cũng không bằng được một phần nào cả.

Phân khoa.-

Cương 2.- như thật tri kiến về chủ thể mà loại bỏ tà kiến

có hai bát : bát 1 như thật tri kiến mà loại bỏ tà kiến, bát 2 loại bỏ tà kiến mà hội nhập như thật tri kiến.

Bát 1.- như thật tri kiến mà loại bỏ tà kiến

có hai nhã : nhã 1 như thật tri kiến mà loại bỏ tà kiến thường còn, nhã 2 như thật tri kiến mà loại bỏ tà kiến đoạn diệt.

Nhã 1.- như thật tri kiến mà loại bỏ tà kiến thường còn (đoạn 40-41)

Chính văn.-

40. Trưởng lão Thiện hiện, các vị đừng nói Như lai nghĩ rằng Như lai giải thoát các loại chúng sinh ; trưởng lão Thiện hiện, đừng nghĩ như vậy, vì thật không có một chúng sinh nào Như lai giải thoát. Nếu có chúng sinh Như lai giải thoát, thì thế chính là Như lai đã có ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả. Trưởng lão Thiện hiện, ý tưởng về ngã thì Như lai nói phi ý tưởng ngã (1), nhưng người tầm thường thì bảo là ngã. Trưởng lão Thiện hiện, người tầm thường ấy Như lai nói là người phi tầm thường (2).

Ghi chú.-

(1) Phi ý tưởng ngã.- Nghĩa là chính thực chất ngã chấp tự phủ nhận lấy nó. Ngã ở đây bao gồm tất cả ngã nhân chúng sinh thọ giả : bao gồm tất cả nhân ngã và pháp ngã

(2) Phi người tầm thường.- Sau câu này Hd thêm : thế nên gọi là những người tầm thường. Người tầm thường : phạm phu của Td hay ngu phu dị sinh của Hd. Người tầm thường phi người tầm thường là chúng sinh phi chúng sinh : chúng sinh vốn là Như (coi lược giải đoạn 37). Đại sư Tăng triệu chú thích : phạm phu phi phạm phu nên có thể giáo hóa cho thành thánh giả (Vạn 38/217A).

Lược giải.-

Loại bỏ ngã chấp thường còn (chấp có) có hai đoạn. Đây là đoạn thứ nhất cốt nói nếu Phật thấy có chúng sinh được mình hóa độ (cũng như nếu thấy có mình hóa độ chúng sinh) thì cái thấy ấy là ngã chấp : chấp thường, chấp có.

Chính văn.-

41. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, phải chăng có thể nhìn thấy Như lai bằng ba mươi hai đặc tướng siêu nhân ? Kính bạch Thế tôn, theo chỗ con hiểu nghĩa của Ngài dạy, không thể

nhìn Ngài bằng ba mươi hai đặc tướng siêu nhân. Đức Thế tôn dạy, trưởng lão Thiện hiện, thật đúng như vậy, bởi vì nếu nhìn ba mươi hai nét đặc tướng siêu nhân mà cho có thể nhìn thấy Như lai thì Chuyển luân vương cũng là Như Thế nên không thể nhìn thấy Như lai bằng ba mươi hai đặc tướng siêu nhân ; hãy nhìn Như lai bằng cách nhìn thấy tất cả đặc tướng là phi đặc tướng (1). Bấy giờ Thế tôn nói chính cú này :

Nếu đem sắc tướng
nhìn thấy Như lai,
hoặc đem âm thanh
nhận thức Như lai,
thì những người ấy
đã đi lạc đường,
không còn có thể
thấy biết Như lai. (2).

Ghi chú.-

(1) Đoạn 41 này tham chiếu Hd mà chuyển dịch chính văn của Td. Nếu dịch đúng chính văn Td thì như sau, vẫn dịch mỗi câu 4 chữ để ai muốn thì dùng :

Trưởng lão Thiện hiện,
ông nghĩ thế nào,
phải chăng có thể
nhìn thấy Như lai,
bằng ba mươi hai
đặc tướng siêu nhân ?
Trưởng lão thưa Ngài,
kính bạch Thế tôn,
đúng là có thể
nhìn thấy Thế tôn
bằng ba mươi hai
đặc tướng siêu nhân.
Đức Thế tôn dạy,
trưởng lão Thiện hiện,
nếu nói có thể
đem ba mươi hai
đặc tướng siêu nhân
mà thấy Như lai,
thì Chuyển luân vương
cũng là Như lai.
Trưởng lão thưa ngài,
kính bạch Thế tôn,
theo con hiểu ý
đức Thế tôn dạy
thì thật không thể
nhìn thấy Thế tôn
bằng ba mươi hai
đặc tướng siêu nhân.

Td như vậy có thể Phạn bản của Td là như vậy, mà cũng có thể Td chuyển văn mà dịch cho rõ ý. Ý đó là sự chấp ngã (chấp thường, chấp có), là cái bản năng không dễ bỏ : ngài Tu bồ đề nghe Phật dạy đến đây rồi mà còn bộc lộ không tự kiểm cái chấp ấy đến như vậy - bộc lộ theo bản năng, không

những thấy có mình nhìn Phật, thấy có Phật mình nhìn, mà nhìn thấy chỉ qua sắc tướng như người thường nhìn thấy. Nhưng nguyên Phật bản Td như vậy hay Td chuyển văn như vậy, đẳng nào cũng đã gây bối rối cho người đọc tụng, vì văn tự khác quá với các đoạn 7, 19 và 35, chưa kể 42. Nên tôi phải đối chiếu Hd mà chuyển dịch. Hd tuy không làm rõ được nhiều cái ý như đã nói, nhưng không gây bối rối nào cả.

(2) Bài chỉnh cú này của Td, văn ý già dặn, không như các bản khác còn thêm 4 câu nữa : hãy nhìn thấy pháp tánh của Như lai là pháp thân của Như lai, pháp tánh thì siêu việt nhận thức nên người (đi lạc đường) ấy không thể biết được.

Lược giải.-

Đây là đoạn thứ hai loại bỏ chấp thường còn (chấp có) : Nếu thấy Phật qua sắc tướng (hay tìm Phật qua âm thanh) như cái thấy (và cái nghe) của ngã chấp, thì ai có mang 32 tướng tốt (dầu không tốt bằng Phật) cũng là Phật cả.

Phân khoa.-

Nhã 2.- như thật tri kiến mà loại bỏ tà kiến đoạn diệt (đoạn 42-43)

Chính văn.-

42. Trưởng lão Thiện hiện, nếu ông nghĩ rằng Như lai không do (1) đặc tướng toàn hảo mà được tuệ giác vô thượng bồ đề, thì này trưởng lão, đừng nghĩ như vậy, rằng ta, Như lai, không do đặc tướng toàn hảo mà được vô thượng bồ đề (2).

Ghi chú.-

(1) Không do.- Chữ không, chính văn là bất, có vị cho là không có (Vạn 83/327A hay Chính 33/152). Xét ý Td thì phải có (coi điều thứ ba của ghi chú 2 dưới đây).

(2) Đoạn 42 này chỉ Nd không có, nhưng xét có thì đúng hơn. Đoạn 42 này có 3 điều cần ghi chú. Điều thứ nhất, đoạn này loại bỏ ý nghĩ Phật không do đặc tướng mà thành Phật (nghĩa là nghĩ Phật là đoạn diệt hư vô), bởi vì 32 đặc tướng của Phật mỗi đặc tướng do cả trăm phước trang nghiêm, và Phật do phước ấy mà thành Phật, mà được Phật thân toàn hảo đặc tướng. Điều thứ hai, đoạn này các bản khác trái hẳn với Td. Hãy lấy Hd làm mẫu mà đối chiếu, như sau : Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, Như lai chứng vô thượng giác là do các đặc tướng toàn hảo chăng ? Thiện hiện, đừng nghĩ như vậy, tại sao, bởi vì, Thiện hiện, Như lai không do các đặc tướng toàn hảo mà chứng vô thượng giác. Điều thứ ba, ngay Td mà bỏ chữ bất đi (coi ghi chú 1), và dịch ép câu chót, thì cũng cùng ý : Thiện hiện, nếu ông nghĩ rằng Như lai được vô thượng giác là do các đặc tướng toàn hảo (thì), Thiện hiện, đừng nghĩ như vậy, (vì) Như lai không do các đặc tướng toàn hảo mà chứng vô thượng giác. Nhưng xét ý đại sư Tăng triệu (Vạn 38/217B) thì đoạn 42 này phải hiểu và dịch như đã dịch, lại phải đặc vào tiết mục loại bỏ chấp đoạn diệt (chấp không). Nếu hiểu và dịch như các bản khác thì đoạn này là loại bỏ chấp thường còn (chấp có), và như vậy thì thừa (vì trùng ý với đoạn 14).

Lược giải.-

Loại bỏ chấp đoạn diệt (chấp không) cũng bằng hai đoạn. Đây là đoạn thứ nhất, nói quả bất diệt (Phật đà bất diệt). Quả ấy là Phật thân đủ mọi tướng hảo : chính Phật thân này tự phủ nhận sự chấp không (chấp đoạn) rồi. Muốn hiểu Phật đà bất diệt như thế nào thì coi Pháp hoa phẩm 16.

Chính văn.-

43. Trưởng lão Thiện hiện, nếu ông nghĩ rằng những người phát tâm vô thượng bồ đề nói rằng các pháp là tiêu diệt hẳn, thì đừng nghĩ thế, tại sao, bởi vì những người phát tâm vô thượng bồ đề đối với các pháp không nói tiêu diệt (1).

Ghi chú.-

(1) Không nói tiêu diệt.- Chính văn là bất thuyết đoạn diệt tướng, so với các bản khác và dịch đủ thì phải là không nhận thức qui định và tuyên bố các pháp là tiêu diệt.

Lược giải.-

Đây là đoạn thứ hai loại bỏ chấp đoạn diệt (chấp không), bằng cách nói nhân bất diệt (Bồ tát bất diệt). Nhân ấy là phát tâm vô thượng bồ đề : chính sự phát tâm này tự phủ nhận sự chấp không (chấp đoạn rồi).

Phân khoa.-

Bát 2.- loại bỏ tà kiến mà hội nhập như thật tri kiến

Có 4 ngã : ngã 1 hội nhập như thật tri kiến về nhân, ngã 2 hội nhập như thật tri kiến về quả, ngã 3 hội nhập như thật tri kiến về vũ trụ, ngã 4 hội nhập như thật tri kiến về bản thân. Phân khoa trên đây, có thể đổi từ ngữ mà nói một cách khác, nghĩa là nhìn một cách khác hơn nữa về 4 ngã này : ngã 1 hội nhập như thật tri kiến về nghiệp quả, ngã 2 hội nhập như thật tri kiến về thực thể, ngã 3 hội nhập như thật tri kiến về vũ trụ, ngã 4 hội nhập như thật tri kiến về bản thân. Cách nhìn như vậy có nghĩa đoạn 44 này cho thấy phi thường phi đoạn nên có nghiệp thì có nghiệp quả, đoạn 45 cho thấy phi thường phi đoạn nên bản thể vốn siêu việt, đoạn 46-47 cho thấy phi thường phi đoạn nên cảnh giới là phi cảnh giới, đoạn 48 cho thấy phi thường phi đoạn nên bản thân là Phật thân. Cách nhìn như vậy sát ý hơn, nhưng kém sát văn, nhất là văn đoạn 44, nên tôi không dùng mà thấy phải nêu lên ở đây.

Nhã 1.- hội nhập như thật tri kiến về nhân (đoạn 44)

Chính văn.-

44. Trưởng lão Thiện hiện, một vị Bồ tát đem cho tất cả bảy loại vàng ngọc chất đầy thế giới như cát sông Hằng ; vị Bồ tát khác biết tất cả pháp toàn là vô ngã, thành được sức Nhẫn, thì Bồ tát này hơn Bồ tát trước. Lý do là vì, trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát thì không tiếp nhận phước đức. Trưởng lão Thiện hiện kính bạch Thế tôn, tại sao Bồ tát không nhận phước đức ? Bởi vì, Thiện hiện, Bồ tát làm hết mọi sự phước đức, thế nhưng không nên tham đắm phước đức, Như lai do vậy nói là không nhận mọi sự phước đức.

Ghi chú.-

(1) Vô ngã.- ngã ở đây bao gồm tất cả khái niệm về ngã là ngã nhân chúng sinh thọ giả, bao gồm tất cả cái ngã bản năng và cái ngã lý thuyết, bao gồm cả nhân ngã và pháp ngã.

(2) Sức nhẫn.- Chính văn là nhẫn, Hd thêm : kham nhẫn. Như vậy Nhẫn ở đây là chấp nhận. Chấp nhận cái gì ? Một, chấp nhận vô ngã chứ không chơi với ; sự chấp nhận này là tuệ giác. Hai, chấp nhận nghịch cảnh chứ không thoái chuyển ; sự chấp nhận này là nhẫn nhục. Sự chấp nhận trước dẫn ra sự chấp nhận sau, và gồm cả hai sự Nhẫn này lại thì thấy vô ngã là vô sinh (Hd rõ như vậy) : không còn si mê phiền não. Nên sức Nhẫn ở đây gọi là Vô sinh pháp nhẫn. Điển hình sức Nhẫn này là tiền thân Phật được nói trong đoạn 22.

(3) Td như vậy thật rõ. Hd như sau, hãy đối chiếu để thấy : Nên nắm nhận mà không nên nắm nhận,

thế nên nói là nên nắm nhận. Lược giải.- Hội nhập như thật tri kiến về nhân là thấy Vô sinh pháp hiển hoạt dụng thành cái phước đức siêu việt đam mê, cố thủ.

Phân khoa.-

Nhã 2.- Hội nhập như thật tri kiến về quả (đoạn 45)

Chính văn.-

45. Trưởng lão Thiện hiện, nếu nói Như lai có đến, có đi, có ngồi, có nằm, thì người nói ấy không hiểu ý nghĩa Như lai đã nói. Tại sao như vậy, bởi vì Như lai không đến từ đâu, không đi về đâu, nên gọi Như lai.

Lược giải.-

Hội nhập như thật tri kiến về quả là thấy Như lai và Như : siêu việt mọi sự không Như.

Phân khoa.-

Nhã 3.- hội nhập như thật tri kiến về vũ trụ (đoạn 46-47)

Chính văn.-

46. Trưởng lão Thiện hiện, có ai nghiền nát thế giới đại thiên thành ra vi trần, thì ông nghĩ sao, những vi trần ấy là nhiều hay ít ? Rất nhiều, bạch Ngài. Tại sao, bởi vì những vi trần ấy nếu là thật có, thì Ngài không nói là những vi trần – Thế nhưng vi trần thì Ngài đã nói là phi vi trần, do đó Ngài nói là những vi trần (1). 47. Và bạch Thế tôn, cái mà Ngài nói thế giới đại thiên là phi thế giới, vì thế nên được gọi là thế giới. Tại sao như vậy, bởi vì nếu nói thế giới thật có, thì đó chỉ là ý tưởng hợp nhất – Ý tưởng hợp nhất thì Ngài nói phi ý tưởng hợp nhất, nên được gọi là ý tưởng hợp nhất. Đức Thế tôn dạy, trưởng lão Thiện hiện, ý tưởng hợp nhất thì không là gì để mà nói cả, nhưng người tầm thường đam mê dính mắc cái sự như vậy.

Ghi chú đoạn 46.-

(1) Những vi trần trong đoạn này, dịch đủ chữ của chính văn thì phải là khối lượng vi trần (vi trần chúng). Nhưng dịch như vậy không giữ được nguyên ý nói về phân tử, nên phải lược bỏ.

Ghi chú đoạn 47.-

(1) Cả hai đoạn 46 và 47 này, về văn tự thì vừa giống vừa nói rộng đoạn 18. Lược giải đoạn 46-47.- Cả hai đoạn 46-47 này là hội nhập như thật tri kiến về vũ trụ (về phân tử của vũ trụ và về vũ trụ của phân tử), thấy chúng không là gì để mà cãi và ham.

Phân khoa.-

Nhã 4.- hội nhập như thật tri kiến về bản thân (đoạn 48)

Chính văn.-

48. Trưởng lão Thiện hiện, nếu có ai nói Thế tôn nói về ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả, thì này trưởng lão, ông nghĩ thế nào, người đó có hiểu ý nghĩa Như lai đã nói hay không ? Không, bạch Thế tôn, người ấy không hiểu ý nghĩa đã được Thế tôn nói ra. Lý do tại sao, vì Thế tôn nói ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả thì tức là phi (1) ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả, thế nên gọi là ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả.

Ghi chú.-

(1) Phi.- Ở đây có nghĩa là tự phủ nhận.

Lược giải.-

Hội nhập như thật tri kiến về bản thân là thâm tín Bát nhã. Thâm tín Bát nhã thì thường nghĩ nhớ bản thân, nhất là bản thân trong ngã chấp, vốn là và vẫn là Phi, là Như.

Phân khoa.-

Kinh 3.- Kết thúc

có 2 kim : kim 1 kết thúc ứng với hai câu hỏi đáp căn bản, kim 2 kết thúc như các kinh khác.

Kim 1.- kết thúc ứng với 2 câu hỏi đáp căn bản

có 3 cương : cương 1 kết thúc ứng với 2 câu hỏi đáp căn bản, cương 2 khuyến cáo tu học và diễn tả Kim cương, cương 3 chỉ cách diễn tả Kim cương.

Cương 1.- kết thúc ứng với 2 câu hỏi đáp căn bản (đoạn 49)

Chính văn.-

49. Trưởng lão Thiện hiện, những người phát tâm vô thượng bồ đề, thì với các pháp hãy biết như vậy, hãy thấy như vậy, tin tưởng, lĩnh hội cũng là như vậy : đừng nên trú ở nơi ý tưởng pháp. Trưởng lão Thiện hiện, nói ý tưởng pháp thì Như lai nói phi ý tưởng pháp, vì thế mới gọi là ý tưởng pháp.

Ghi chú.-

(1) Các pháp.- Pháp ở đây là tổng quát cả 3 mặt đối tượng, tuệ giác và chủ thể, mà đã được nói trong phần nội dung.

Lược giải.-

Đừng nên trú ở nơi ý tưởng pháp. là lặp lại vô trú bát nhã đã nói suốt từ đoạn 2 đến đây, tổng kết kinh này ứng với hai câu hỏi đáp căn bản mở đầu trong đoạn 2-6.

Phân khoa.-

Cương 2.- khuyến cáo tu học và diễn tả Kim cương (đoạn 50)

Chính văn.-

50. Trưởng lão Thiện hiện, nếu có người nào đem cho tất cả bảy loại vàng ngọc chất đầy vô lượng vô số thế giới, và có người khác, không kể thiện nam hay là thiện nữ, đối với pháp thoại Bát nhã như vậy, tiếp nhận ghi nhớ, nghiên cứu tụng thuộc, diễn tả cho người, thì dầu chỉ được chính cú bốn câu, phước họ đạt được vẫn hơn người trước.

Lược giải.-

Pháp hạnh đối với Kim cương mà đoạn này và các đoạn tương tự ở trước đã khuyến cáo là sao chép ấn hành, tiếp nhận ghi nhớ, đọc xét văn nghĩa, tụng được thuộc lòng, diễn nói cho người (thư tả, thọ trì,

độc, tụng, vị tha nhân thuyết). Tự trung, diễn nói hay diễn tả cho người là giới thiệu, loan báo và giảng dạy. Cách này được ghi thêm ở đoạn 51 dưới đây. Cách ấy cho thấy diễn tả Kim cương cho người thì chính mình phải có và sống theo tuệ giác Kim cương.

Phân khoa.-

Cương 3.- chỉ cách diễn tả Kim cương (đoạn 51)

Chính văn.-

51. 51. Diễn tả cho người bằng cách thế nào ? Bằng cách dùng năm ý tưởng về pháp, mà như sự Như chứ không dao động (1). Tại sao mà phải diễn tả cách ấy ?

Bởi vì tất cả
các pháp hữu vi
toàn là giống như
chiêm bao, ảo thuật,
bóng nước, ảnh tượng,
sương mai, điện chớp ;
rất cần phải có
cái nhìn như vậy.

Ghi chú.-

(1) Bằng cách dùng năm ý tưởng về pháp, mà như sự Như chứ không dao động.- Câu này là một trong những câu độc đáo của Td Kim cương. Hãy đối chiếu với Hd sau đây : Như là không diễn tả chỉ bảo cho người, và vì thế nên gọi là diễn tả chỉ bảo cho người. Đây là ý nghĩa của Td, “bằng cách dùng năm ý tưởng về pháp” là vô trú bất nhĩ không thấy người nói, pháp được nói và người nghe. “Mà như sự Như chứ không dao động” là vô trú bất nhĩ thấy tất cả đều là Như, chứ không dao động theo những thứ không Như, những khái niệm về ngã, nhân ngã cũng như pháp ngã.

(2) Bài chỉnh cú này chỉ có sáu ví dụ, khác với các bản khác có 9 : tinh tú, ảo ảnh (của mắt bệnh), ngọn đèn, ảo thuật, sương mai, bóng nước, chiêm bao, điện chớp, đám mây. Trong sáu ví dụ của Td thì chiêm bao, ảo thuật, bóng nước, sương mai và điện chớp là năm ví dụ dễ hiểu nhất, và có thể vì vậy mà Td để nguyên. Còn ảnh tượng thì không có trong 9 ví dụ, rõ ràng chúng tỏ Td dùng chữ này để tổng quát bốn ví dụ toàn là ảnh tượng, đó là tinh tú, ảo ảnh, ngọn đèn và đám mây. Về ý nghĩa của 9 ví dụ thì nên coi sự giải thích của Thế thân đại sĩ (Chính 25/797 và 884). Nhưng ở đó chỉ giải thích theo biến kế chấp tánh : giải thích theo y tha khởi tánh thì phải tham khảo Nhiếp luận (Chính 31/140). Còn ý nghĩa sáu ví dụ của Td thì rõ ràng chỉ nói tổng quát rằng các pháp hữu vi toàn như mộng ảo bào ảnh - toàn là Phi với nghĩa tự phủ nhận : hãy quan sát như vậy mà diễn tả Kim cương. Nhưng đó là mới nói một mặt. mặt khác, cũng những ví dụ ấy mà cho thấy các pháp hữu vi toàn là Phi với nghĩa tự siêu việt, hoạt hiện và hoạt dụng một cách đa dụng và vô tận như mộng ảo bào ảnh : hãy quan sát như vậy mà diễn tả Kim cương.

Lược giải.-

Hãy diễn tả Kim cương bằng cách chính mình phải thường xuyên tưởng nhớ, chiêm nghiệm và diệu dụng đạo lý chữ Phi. Như thế đó là vô trú bất nhĩ mà hủy diệt ngã chấp cũng ở đó, phát tâm với hàng tâm và trú tâm cũng ở đó.

Phân khoa.-

Kim 2.- kết thúc như các kinh khác (đoạn 52)

Chính văn.-

52. Khi đức Thế tôn tuyên thuyết hoàn tất bản kinh Kim cương bát nhã này rồi, trưởng lão Thiện hiện, các vị tỷ kheo và tỷ kheo ni, những cận sự nam và cận sự nữ, toàn thể thế giới chư thiên, nhân loại, và a tu la, được nghe những điều Thế tôn tuyên thuyết, ai cũng hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.

[hết]
